**BÀI 6. THƠ**

**\* Yêu cầu cần đạt**

(Theo SGK)

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ; giá trị thẩm mĩ của các yếu tố: cấu tứ, ngôn từ, tình cảm, cảm xúc chủ đạo của người viết.

- Nhận biết phân tích được tác dụng một số biện pháp tu từ.

- Biết viết bài văn nghị luận và thuyết trình giới thiệu một tác phẩm thơ theo lựa chọn cá nhân.

- Biết tri nhận và trân trọng những vẻ đẹp sâu kín, vô hình của tạo vật và thế giới.

**\* Nội dung và thời lượng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Tên bài** | **Số tiết** |
| **1. Đọc** | Đọc hiểu VB 1: *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu) | 02 |
| Đọc hiểu VB 2: *Sông Đáy* (Nguyễn Quang Thiều): | 01 |
| Thực hành đọc hiểu*:*  *- Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử)  (chỉ cần chọn 1 VB) | 01 |
| **2. Thực hành tiếng Việt** | Ôn tập các biện pháp tu từ tiếng Việt | 01 |
| **3. Viết** | Viết bài nghị luận về một một tác phẩm thơ | 02 |
| **4. Nói và nghe** | Giới thiệu một tác phẩm thơ | 01 |
| **5. Tự đánh giá** | Tràng giang (Huy Cận) | 01 |

**A. PHẦN ĐỌC (Đọc hiểu văn bản)**

**Tiết 64 + 65: ĐÂY MÙA THU TỚI**

**(Xuân Diệu)**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Về kiến thức:**

- Một số thông tin về tác giả và tác phẩm của Xuân Diệu.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Phân tích, đánh giá được giá trị thẩm mĩ của các yếu tố hình thức trong thơ trữ tình: ngôn từ, cách tổ chức câu thơ, cách xây dựng hình ảnh thơ, tứ thơ…

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

- Năng lực riêng:

+ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản thơ ca.

+ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết đoạn văn cảm nhận về một câu thơ, đoạn thơ, hình ảnh hoặc mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu thiên nhiên, sống thân thiện, gần gũi với thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

- Trân trọng cái đẹp, thấu hiểu nỗi niềm và cảm xúc giao cảm với cuộc đời của thi sĩ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, , Phiếu học tập,...

**2. Học liệu:** SGK Ngữ văn 11, Cánh Diều, tập 2; sách bài tập Ngữ văn 11, tập 2; sách tham khảo “Văn bản Ngữ văn 11”…

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS tiếp cận bài mới.

**b.Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**c. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên đặt câu hỏi / Học sinh trả lời cá nhân.

- Giáo viên chuẩn bị câu hỏi dẫn dắt học sinh.

- Học sinh trả lời câu hỏi.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \* Hình thức: Cá nhân  \* Kỹ thuật: vấn đáp  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  Đọc các câu thơ hoặc bài thơ về mùa thu mà em biết?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh suy nghĩ trao đổi và chuẩn bị câu trả lời;  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên gọi học sinh trình bày;  - Học sinh khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Giáo viên kết luận, nhận định**  Giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh.  **Giáo viên giới thiệu bài mới:** Mùa thu đã trở thành cảm hứng muôn thuở của thi ca. Các thi nhân thường viết về mùa thu với những cảm xúc nhẹ nhàng, tinh tế. Và trong vô vàn thi sĩ viết về mùa thu, không thể không nhắc tới nhà thơ Xuân Diệu – “nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới”. Viết về mùa thu, Xuân Diệu có một lối nói riêng đầy thi vị, tứ thơ mới mẻ, cảm nhận tinh tế nhẹ nhàng cái hồn thu của đất trời, quê hương xứ sở. Bài thơ Đây mùa thu tới là một bức tranh thu với những biến thái tinh vi nhất, những rung cảm sâu xa của lòng người trong thời khắc chuyển mùa. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú.  (1) “Bỗng nhận ra hương ổi  Phả vào trong gió se  Sương chùng chình qua ngõ  Hình như thu đã về?”  (2) “Em không nghe mùa thu  Lá thu rơi xào xạc  Con nai vàng ngơ ngác  Đạp trên lá vàng khô”.  (3) “Hôm nay trời dịu mát  Hết nắng hè chói chang  Mưa thu bay nhẹ hạt  Lúa thu nhuộm sắc vàng.  Cánh đồng thơm mùi cốm.  Đón mùa gặt hái sang” |

**HOẠT ĐỘNG 2. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu**

- Nắm được kiến thức về tác giả, tác phẩm.

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.

**b. Sản phẩm:** Học sinh nắm được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**c. Tổ chức thực hiện**

- Giáo viên phát vấn để giải quyết vấn đề

- Giáo viên cho học sinh hợp tác theo nhóm nhỏ và thuyết trình, khám phá kiến thức…

- Giáo viên nhận xét và đánh giá kết quả quá trình thực hiện hoạt động học tập của học sinh

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
|  | **I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG** |
| 1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại  \*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  \*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  \*Bước 3: Báo cáo, thảo luận  \*Bước 4: Kết luận, nhận định  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  -GV yêu cầu HS thực hiện phiếu học tập số 01:   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**  Hoàn thiện nội dung cho dấu …của các yêu cầu sau:  1. (1)… là cách triển khai, tổ chức hình ảnh, mạch cảm xúa của bài thơ. | | 2. (2)…là thơ có những hình ảnh có tính biểu tượng, gợi cho người đọc những ý niệm, hoặc gợi lên một liên tưởng sâu xa. |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.** (*Bám vào kiến thức ngữ văn sgk)*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  -GV cho HS đọc lại kiến thức ngữ văn sgk:  + Cấu tứ  + Thơ có yếu tố tượng trưng  - GV nhận xét các câu trả lời  -GV chốt lại những nội dung cần tìm hiểu khi đọc hiểu một bài thơ | **1. Một số tri thức về thể loại**  -HS hoàn thiện phiếu học tập, nắm được tri thức Đọc hiểu thơ (Bám vào KT sgk) |
| \* Hình thức: cả lớp/ học sinh hợp tác theo nhóm nhỏ và trình bày.  \* Kỹ thuật: đặt câu hỏi học sinh  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**:  **\*Vấn đáp:**  + Trình bày những hiểu biết của em về nhà thơ Xuân Diệu và bài “Đây mùa thu tới”.  + Hãy nêu một yếu tố tượng trưng trong bài thơ và đưa ra lí do cho sự lựa chọn của các em?  + Điệp ngữ "mùa thu tới" trong dòng thơ số 3 có ý nghĩa gì?  + Cách chấm câu trong khổ 3 có giá trị biểu đạt gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Giáo viên theo dõi, quan sát  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên gọi HS trình bày.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.  + Điệp khúc nói lên sự hồ hởi, chào đón "nàng thu" của thi sĩ.  + Dấu câu tạo ấn tượng thị giác với độc giả, qua đó giúp người đọc cảm nhận được những tâm tư, tình cảm của tác giả. | **2. Tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả:**  - Quê quán: Can Lộc, Hà Tĩnh  - Gia đình: Ông sinh ra trong một gia đình nhà nho.  - Là con người say mê rèn luyện, lao động và sáng tác. Đó là một quyết tâm khắc khổ, là lẽ sống là niềm đam mê trong cuộc đời.  - Là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ Mới.  - Thơ Xuân Diệu dồi dào những rung động tươi mới, tràn trề tình yêu và niềm khát khao giao cảm với đời.  **b. Tác phẩm:**  Đây mùa thu tới được in trong tập *Thơ thơ* (1933 – 1938), tập thơ đầu tay của tác giả.  **c. Một yếu tố tượng trưng trong bài thơ**  **+** Hình ảnh "*Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang*". Là một câu thơ mở đầu bài thơ, mở ra một khung cảnh buồn và vắng vẻ, đìu hiu, hình ảnh rặng liễu đã được miêu tả như một mái tóc buồn đang đứng chịu tang. Người xưa thường có câu "*liễu yếu đào tơ*". Do đó hình ảnh liễu đìu hiu này có thể là hình ảnh tượng trưng cho một cô gái đang chịu tang.  + “*Nghe rét mướt luồn trong gió”* ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, theo đó “ rét mướt” ( xúc giác) vốn vô hình đã được thính giác hóa (nghe) và thị giác hóa (luồn), cái rét miêu tả trong trạng thái ẩn tàng, giấu mặt. |
| - GV Gọi 2 HS đọc văn bản (HS1 đọc khổ 1-3; HS2 đọc khổ 4.5)  - Gọi 2-3 HS trả lời CH: Ấn tượng khi nghe đọc văn bản?  - GV nhận xét, hướng tới đọc hiểu văn bản theo bố bục. | - HS đọc được giọng điệu phù hợp ( Giọng trầm buồn)  - Chia sẻ được ấn tượng và cảm xúc khi đọc vb. |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

a. Mục tiêu:

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.

b. Sản phẩm: Học sinh nắm được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

c. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên phát vấn để giải quyết vấn đề

- Giáo viên cho học sinh hợp tác theo nhóm nhỏ và thuyết trình, khám phá kiến thức…

- Giáo viên nhận xét và đánh giá kết quả quá trình thực hiện hoạt động học tập của học sinh

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**:  **\* Thảo luận nhóm:**  + Nhóm 1,2   \* Bức tranh thiên nhiên ở khổ thơ thứ nhất được khắc họa qua những chi tiết nào? Nêu nhận xét của em về mối quan hệ giữa các chi tiết đó.  \* Ở khổ 2, sự rụng rơi của thế giới cảnh vật trước cái lạnh diễn ra theo trật tự: hoa - lá - cành. Trật tự theo “bước đi của thời gian” này có ý nghĩa gì?  + Nhóm 3,4:  \*Hãy so sánh sự khác biệt của không gian thơ ở khổ 2 với khổ 3. Chỉ ra ý nghĩa nghệ thuật của sự khác biệt này.  \* Em hiểu như thế nào về tâm trạng “buồn không nói”, “Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi” của “Ít nhiều thiếu nữ” trong hai câu kết của bài thơ? Qua đó, chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo của bài thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh thực hiện nhiệm vụ  - Giáo viên theo dõi, quan sát giúp đỡ HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên gọi học sinh trình bày.  - Học sinh khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung:  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên đánh giá kết quả hoạt động nhóm bằng rubric.  - Giáo viên chuẩn hóa kiến thức. | **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Ba khổ thơ đầu**  **a. Khổ 1: Cảnh thu đẹp nhưng đượm buồn**  - Bức tranh thiên nhiên trong đoạn thơ hiện lên qua những hình ảnh đó là:  + *Rặng liễu đìu hiu* -> nhân cách hóa dáng liễu như dáng một nàng thiếu nữ đứng chịu tang -> hình ảnh thơ đẹp, buồn.  + *Áo mơ phai dệt lá vàng*-> sắc màu thanh nhẹ, tươi sáng  - Nhịp thơ 4/3, điệp khúc “mùa thu tới”, đại từ chỉ định “đây”, nghệ thuật vắt dòng “ tới”- “ với” tiếng reo vui ngỡ ngàng, tiếc nuối của thi nhân.  Tóm lại : Xuân Diệu đã sáng tạo nên một hình ảnh đẹp và buồn về liễu. Cây liễu buổi đầu thu được miêu tả qua một dáng hình lặng lẽ, đau thương, một tâm tình cô đơn, sầu khổ. Cả một trời thu mênh mang "đìu hiu đứng chịu tang" cùng liễu. Cảnh thu đẹp nhưng đượm buồn qua con mắt của thi nhân.  **b. Khổ 2:**  - Cụm từ “hơn một loài hoa’ được dùng để chỉ sự tàn phai của hoa lá. Cách nói này giúp chúng ta cảm nhận được ít nhiều những bước chảy trôi của thời gian, của thiên nhiên đất trời.  - Hoa: Rụng cành -> cách diễn đạt” hơn một rất mới -> gợi sự úa tàn, rơi rụng.  - Lá: Sắc đỏ rũa màu xanh -> động từ “rũa” thật gợi cảm ->gợi sự mài mòn, sự lấn át.  + Run rẩy, rung rinh ->láy phụ âm “r” ->gợi cảm giác se lạnh.  - Cành: Đôi nhánh, khô gấy, xương mỏng manh->nghệ thuật tạo hình, hình ảnh nhân hóa->gợi sự hao gầy, mong manh, trơ trọi  Cảnh thu phai sắc, gợi cái lạnh trong lòng người.  \*Như vậy, Xuân Diệu luôn cảm nhận thế giới trong bước đi của thời gian. Không có gì là bền lâu. Tất cả đều biến dịch, trôi chảy.  **c.Khổ 3**  - Sự khác biệt của không gian thơ ở khổ 2 với khổ 3 được thể hiện như sau:   |  |  | | --- | --- | | Khổ 2  Hoa  Lá  Cành | Khổ 3  Trăng (Bầu trời) Non (Xa)  Đò (Bến đò) | | + Sự chuyển biến của thiên nhiên khi mùa thu tới.  + Dần thay đổi theo thời tiết và khí hậu của mùa thu | +Tô đậm thêm cảnh sắc khi mùa thu tới.  + Hình ảnh với sự mờ ảo của sương mù, lúc ẩn lúc hiện, sự rét mướt đã được cảm nhận rõ hơn qua từng cơn gió, qua hình ảnh vắng vẻ của con người trên những chuyến đò. |   Cảnh thu vắng lặng, gợi nỗi cô đơn trong lòng người  - Dấu câu tạo ấn tượng thị giác với độc giả, qua đó giúp người đọc cảm nhận được những tâm tư, tình cảm của tác giả.  \* Tóm lại: 3 khổ thơ đầu bức tranh thu đẹp nhưng đượm buồn .  **2. Khổ thơ cuối: Niềm khao khát hạnh phúc, yêu thương của con người**  + Mây vẩn, chim bay đi, khí trời u uất hận chia ly , tín hiệu của thơ cổ, đất trời nhuốm màu ảm đạm, thê lương, ly biệt.  + Ít nhiều thiếu nữ buồn, không nói, tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi tâm trạng mơ hồ, suy nghĩ, đợi chờ.  Như vậy, cảm hứng chủ đạo của bài thơ là nỗi buồn, nỗi cô đơn của con người khát khao giao cảm với đời. |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **Nhiệm vụ 1:** GV yêu cầu các cặp/nhóm trả lời nhanh phần trắc nghiệm, nhận xét sản phẩm của mỗi cặp/nhóm và chốt lại những thông tin cơ bản.  Khoanh vào câu trả lời đúng  **Câu 1:** Bài thơ Đây mùa thu tới được viết theo thể thơ nào?  A. Thất ngôn  B. Tự do  C. Ngũ ngôn  D. Lục bát  **Câu 2:**Cách diễn đạt nào trong hai câu thơ cuối của bài thơ Đây mùa thu tới thể hiện rõ nét ảnh hưởng của văn học Pháp?  “Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói  Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì?”  A. Ít nhiều thiếu nữ  B. Buồn không nói  C. Tựa cửa  D. Nghĩ ngợi gì  **Câu 3:** Từ nào trong khổ thơ đầu bài thơ thể hiện rõ nét sáng tạo của nhà thơ trong việc miêu tả màu sắc của mùa thu?  A. Lá vàng  B. Rặng liễu  C. Tóc  D. Mơ phai  **Câu 4:** Trong bốn dòng thơ đầu hình ảnh Liễu tượng trưng cho mùa nào?  A. Mùa xuân  B. Mùa hạ  C. Mùa thu  D. Mùa đông  **Câu 5:** Xuân Diệu được mệnh danh là:  A. Ông hoàng thơ tình  B. Ông hoàng thơ xuân  C. Thi nhân lãng mạn  D. Ông hoàng thơ hiện đại  **Câu 6:** Chi tiết nào cụ thể hóa cái lạnh của mùa thu như cảm nhận được bằng thị giác, xúc giác của bài thơ Đây mùa thu tới?  A. Vầng trăng lạnh lẽo  B. Núi hư ảo, xa xăm  C. Cái rét mướt đầu mùa len lỏi trong gió thu  D. Cái trống trải trong buổi giao mùa  **Câu 7:** Bài thơ Đây mùa thu tới được in trong tập nào?  A. Tuyển tập Xuân Diệu  B. Thơ Thơ  C. Vội vàng  D. Lời của gió  **Câu 8:** Câu thơ nào sau đây chép đúng nguyên bản lời thơ Xuân Diệu?  A. Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang  B. Rặng liễu đìu hiu khóc chịu tang  C. Rặng liễu đìu hiu tóc chịu tang  D. Tặng liễu đìu hiu xót chịu tang  **- Nhiệm vụ 2:** GV có thể yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi vận dụng:  Em hãy lí giải : Hai trạng thái cảm xúc của thi nhân qua hai bài thơ "Đây mùa thu tới" của Xuân Diệu và "Đất nước" của Nguyễn Đình Thi.  ***\*Bước 2:*** - HS thực hiện nhiệm vụ  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Học sinh suy nghĩ trả lời nhanh theo câu hỏi  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - Gv nhận xét câu trả lời của học sinh | **3. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối**  **Đáp án:**   1. A 2. A 3. D 4. C 5. A 6. C 7. B 8. A   **Nhiệm vụ 2**  Cảm hứng mùa thu là cảm hứng muôn thuở của thi nhân. Nhưng qua hai bài thơ, trạng thái cảm hứng của hai nhà thơ về mùa thu khác nhau. Mùa thu trong thơ buồn vì thi nhân buồn, mùa thu trong thơ vui vì thi nhân vui. Xét cho cùng là vì có quan hệ giữa thu hứng, thu cảm và thời cảm (cảm xúc thời thế).  + Xuân Diệu trước cách mạng viết “Đây mùa thu tới” buồn đến thế vì nhà thơ sống cô đơn với thân phận của một người dân mất nước nô lệ.  + Sau Cách mạng, Nguyễn Đình Thi náo nức về mùa thu vui, náo nức là vì thi nhân là người tự do, thi nhân đang cùng nhân dân làm chủ đất nước, đấu tranh giải phóng đất nước. Có thể nói mùa thu trong thơ Nguyễn Đình Thi là mùa thu của tâm hồn lãng mạn cách mạng. |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu: Học sinh tổng kết được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm**  **b. Sản phẩm: câu trả lời của hs**  **c. Tổ chức thực hiện: Học sinh suy nghĩ, trả lời** | |
| **TỔNG KẾT:**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  **-** Khái quát: nội dung và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.  - Nêu cách tìm hiểu 1 văn bản thơ mới có yếu tố tượng trưng  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS thực hiện nhiệm vụ  - Giáo viên theo dõi, quan sát giúp đỡ HS hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Giáo viên gọi HS trình bày.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức. | **1. Gía trị nội dung và nghệ thuật**  **a. Nội dung:** Bài thơ là một bức tranh thu với những biến thái tinh vi nhất, những rung cảm sâu xa của lòng người trong thời khắc chuyển mùa.  **b. Nghệ thuật:**  **-** Bút pháp tả cảnh ngụ tình;  - Nghệ thuật nhân hóa;  - Cảm nhận tinh tế bằng các giác quan, cách tân trong việc tổ chức lời thơ, xây dựng hình ảnh, lựa chọn ngôn từ và kế thừa truyền thống thơ phương Đông kết hợp nhuần nhị với sự sáng tạo theo kiểu thơ phương Tây.  **2. Cách đọc bài thơ có yếu tố tượng trưng**  **-** Khi đọc bài thơ có yếu tố tượng trưng các em cần lưu ý:  + Cách xây dựng tứ thơ, những yếu tố tượng trưng trong bài thơ, cách sử dụng từ ngữ, các biện pháp tư từ, cách tổ chức câu thơ… của bài thơ có gì đặc sắc.  + Các yếu tố tượng trưng trong bài thơ có tác dụng ra saotrong việc bộc lộ cảm xúc, suy ngẫm … của tác giả. |

**\*Tài liệu tham khảo**

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  Họ tên/Nhóm HS……………………….Lớp……………………   |  | | --- | | **Thực hành đọc**  **ĐÂY MÙA THU TỚI**  **(Xuân Diệu)** | | **+ Nhóm 1,2:**   ? Bức tranh thiên nhiên ở khổ thơ thứ nhất được khắc họa qua những chi tiết nào? Nêu nhận xét của em về mối quan hệ giữa các chi tiết đó.  ?Ở khổ 2, sự rụng rơi của thế giới cảnh vật trước cái lạnh diễn ra theo trật tự: hoa - lá - cành. Trật tự theo “bước đi của thời gian” này có ý nghĩa gì?  ………………………………………………………………………………………..  ….…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..  ….…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..  ….………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  Họ tên/Nhóm HS………………………………..Lớp……………………  **+ Nhóm 3,4:**  **?**Hãy so sánh sự khác biệt của không gian thơ ở khổ 2 với khổ 3. Chỉ ra ý nghĩa nghệ thuật của sự khác biệt này.  ? Em hiểu như thế nào về tâm trạng “buồn không nói”, “Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi” của “Ít nhiều thiếu nữ” trong hai câu kết của bài thơ? Qua đó, chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo của bài thơ.  ….……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..  ….……………………………………………………………………………………….. |

**PHẦN ĐỌC (Đọc hiểu)**

**Gv: Tạ Thị Hồng Vân**

**Trường THPT Đồng Đậu - Yên Lạc – Vĩnh Phúc**

**Email: tathihongvan80@gmail.com**

**Tiết 66. Văn bản 2**: ***SÔNG ĐÁY***

**(Nguyễn Quang Thiều)**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Về kiến thức:**

- Một số thông tin về tác giả **Nguyễn Quang Thiều** và tác phẩm *sông Đáy*.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Phân tích, đánh giá được giá trị thẩm mĩ của các yếu tố hình thức trong thơ trữ tình: ngôn từ, cách tổ chức câu thơ, cách xây dựng hình ảnh thơ, tứ thơ…

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

- Năng lực riêng:

+ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản thơ ca.

+ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết đoạn văn cảm nhận về một câu thơ, đoạn thơ, hình ảnh hoặc mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước. Sống hiếu thuận với mẹ cha.

- Trân trọng cái đẹp, thấu hiểu nỗi niềm và cảm xúc giao cảm với cuộc đời của thi sĩ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, , Phiếu học tập,...

**2. Học liệu:** SGK Ngữ văn 11, Cánh Diều, tập 2; sách bài tập Ngữ văn 11, tập 2; sách tham khảo “Văn bản Ngữ văn 11”…

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS tiếp cận bài mới.

**b.Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**c. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên đặt câu hỏi / Học sinh trả lời cá nhân.

- Giáo viên chuẩn bị câu hỏi dẫn dắt học sinh.

- Học sinh trả lời câu hỏi.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV cho hs xem, nghe bài hát ***Khúc hát sông quê, Ca sĩ- Anh Thơ, Đạo diễn- Phạm Đông Hồng***  ***<https://youtu.be/oGTLjHtPjHU>***  ***-***Hs theo dõi và cho biết: *cảm nhận chung của em?*  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - Hs xem video  - Hs suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ hs  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Hs trả lời suy nghĩ  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** Giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh.  **Giáo viên dẫn dắt vào bài mới.**  Mỗi nhà thơ đích thực đều kỳ vọng tạo lập một vùng đất, một địa danh, một không gian văn hóa xác tín chân thi của mình, từ đó mà tỏa vọng đến một không gian rộng lớn hơn, sâu sắc hơn trong thế giới và vẻ đẹp của thi ca. Có nhà thơ “địa danh” là phong cách, giọng điệu, là dòng chảy ngôn ngữ, hệ thống thi ảnh,…; lại có nhà thơ có cả giọng điệu và tiếng nói từ thẳm sâu tâm hồn, sự giăng níu về một vùng đất máu thịt, tạo dựng nên không gian thi cảm riêng, và lớn hơn, không gian văn hóa của thơ mình. Trên góc nhìn này, Nguyễn Quang Thiều có một *sông Đáy.* | - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Chia sẻ cảm xúc gợi ra từ bài hát đó.    . |

**HOẠT ĐỘNG 2. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu:**

- Hs tìm hiểu các kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:**

- Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày 1 phút để tìm hiểu về tác giả Nguyễn Quang Thiều và bài thơ *Sông Đáy.*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Hoạt động đọc- tìm hiểu chung***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Hs thực hiện phiếu học tập số 1  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - Hs suy nghĩ, thảo luận.  - GV quan sát, động viên  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập.  - Các hs chia sẻ, lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét và chuẩn kiến thức  **Gv mở rộng:**   * **Ông quan niệm văn học:**   + *Thơ ca là nơi duy nhất để tôi giải phóng tôi và để tôi trú ẩn. Một điều tôi muốn nói đến là: có thể những bài thơ cụ thể nào đó không cứu rỗi được thế giới nhưng những gì mang tinh thần của thi ca đã và đang cứu rỗi thế giới.*  *+ Điều quan trọng nhất của thơ là tạo ra sự ám ảnh và điều tệ hại nhất là thiếu trí tưởng tượng.*  *+ Hãy sống, hãy mơ ước và sáng tạo không ngưng nghỉ trong im lặng nếu không có lý do để than thở. Khi nhà văn sống đến từng nào thì họ sẽ viết đến từng đó.*  - Nguyễn Quang Thiều còn gợi cảm hứng lớn cho các đạo diễn, diễn viên và giới kịch nghệ. Trong đó, nổi bật có tiểu thuyết *Kẻ ám sát cánh đồng* được hãng phim truyền hình Việt Nam dựng thành bộ phim *Chuyện làng Nhô* phát sóng phổ biến trên VTV những năm 1998.  - **Những đánh giá về NQT**  + Nhà thơ Nguyễn Duy:  *Nguyễn Quang Thiều là một tác giả đa tài, sáng tác thơ, văn xuôi, làm báo và anh từng cùng làm với tôi ở báo Văn Nghệ, thuở đó tôi còn thấy anh vẽ tranh. Nhưng ấn tượng nhất với tôi vẫn là Nguyễn Quang Thiều thi sĩ – một thi sĩ nổi bật trong làng thơ đương đại Việt Nam.*  + Nhà thơ Inrasara:  *Nhà thơ vừa xuất hiện đã tìm thấy giọng thơ riêng, là điều hiếm. Hiếm hơn nữa, khi giọng thơ đó có sức lan toả khá rộng. Với thế hệ đi sau ở miền Bắc, thơ Nguyễn Quang Thiều làm nên sự thể ấy.*  *-* Xem một số ảnh bìa một tp tiêu biểu của NQT. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  **a. Tiểu sử**  - Sinh 1951  - Quê: Thôn Hoàng Dương (Làng Chùa), xã Sơn Công, huyên Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).  - là nhà thơ hiện đại tiêu biểu của làng văn học Việt Nam-> ngoài ra còn viết văn, viết báo, tiểu thuyết, soạn kịch…  - Hiện là Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam; Phó Tổng thư ký thứ nhất Hội Nhà văn Á - Phi; Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Hội Nhà văn  **b. Phong cách thơ**  - đến với thơ khá muộn, khi ông 25 tuổi  - Phong cách thơ: viết về các đề tài gần gũi, kết hợp giữa truyền thống + hiện đại -> làm nên cái mới rất riêng của nhà thơ hiện đại, đậm màu sắc tượng trưng, siêu thực. |
| GV yêu cầu giọng đọc cho bài thơ: to, rõ ràng, truyền cảm (chú ý đến nhịp thơ).  - Gv đọc mẫu  - GV gọi 1- 2 hs đọc văn bản  Gv mở rộng: sông Đáy thường ẩn hiện trong tập thơ *Sự mất ngủ của lửa*, kịch bản phim *Mùa hoa cải bên sông,* và *Bài hát về cố hương* của NQT -> dòng sông tuổi thơ, gắn liền với tiếng cá quẫy, là hình ảnh người mẹ tảo tần lam lũ nuôi con…  *- Xem một số h/a về dòng sông Đáy.* | **2. Tác phẩm**  **- Vị trí địa lí: là** dòng sông chảy qua các tỉnh thành khu vực miền Bắc: Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình và Nam Định, trong đó có Hà Nội, quê hương tác giả -> một mạch chủ đề lớn xuyên suốt trong sáng tác của ông.  - **Một số hình ảnh về dòng sông Đáy**  **- Xuất xứ:** rút trong tập thơ *Sự mất ngủ của lửa* (1992) -> Tập thơ đã được Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1993.  - ND: kể về tâm trạng của một đứa con trở về quê hương và gặp lại con sông Đáy, nơi tạo nên ký ức tuổi thơ và những hình ảnh đẹp của người mẹ. Những nỗi buồn da diết đó được thể hiện qua từng hình ảnh thơ khi tác giả nhớ về  - Thể: Thơ tự do -> việc dùng từ ngữ, dấu chấm câu trong bài thoải mái -> tác giả thỏa sức sáng tác theo mạch cảm xúc của mình, từ đó, thể hiện được tình cảm da diết, sâu nặng của mình dành cho con sông Đáy, cho thiên nhiên, con người nơi đây và cho người mẹ của mình.  - Phương thức biểu đạt: Biểu cảm  - Bố cuc: 4 đoạn (sgk đã chia) |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Đọc- hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại (thơ có yếu tố tượng trưng)

**-** Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng:*,*  *lưng mẹ, giàn giụa nước mưa sông, Hình tượng “mẹ”, Hình tượng “em”, hình tượng Sông Đáy …*Là những hình ảnh biểu tượng giúp tăng tính hàm súc và thẩm mĩ cho ý thơ.

- Hiểu được tư tưởng, tình cảm của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều.

- HS nắm được những đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: cấu tứ, nhịp thơ …

**b. Nội dung:** Hs làm việc cá nhân, làm việc nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1.Đọc hiểu văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***-*** HS thực hiện phiếu học tập số 2,3,4  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - Hs suy nghĩ, thảo luận.  - GV quan sát, động viên  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập.  - Các hs chia sẻ, lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét và chuẩn kiến thức | **II. ĐỌC HIỂU VB**   1. **9 câu đầu: H/a SĐ gắn với mẹ và tuổi thơ đầy nhọc nhằn**   - Câu 1: NQT hồi tưởng về sông Đáy.  + SĐ: là quê hương, nơi nhà thơ sinh ra và lớn lên có dòng sông Đáy chảy qua-> một hình ảnh rất đỗi quen thuộc trong tuổi thơ NQT.  -> Hình ảnh sông Đáy được lặp lại nhiều lần trong bài thơ t/h nỗi nhớ nhung khắc khoải khôn nguôi.  + Sông Đáy chảy vào đời tôi-> ẩn dụ nói lên tình cảm gắn bó của tg với sông Đáy.  - Thơ NQT luôn mang tính nhạc. Với ngôi kể “tôi” cùng giọng thơ chậm rãi, nhẹ nhàng, tác giả đã bộc lộ trực tiếp tình cảm của mình với SĐ -> để hoài niệm.  - Thi sĩ đã ví von, đối chiếu sông Đáy với mẹ  -> Sông Đáy như người mẹ hiền hòa cung cấp nước, phù sa nuôi sống cả 1 vùng thiên nhiên, con người. Cũng giống như người mẹ tần tảo làm lụng nuôi con -> so sánh kì lạ  - *Tôi dụi mặt vào lưng người đẫm mồ hôi mát một mảnh sông đêm.*  + *Đẫm mồ hôi* -> Là kết quả lao động mệt nhọc, vất vả, là minh chứng cho tình yêu to lớn của người mẹ dành cho con. -> Sông Đáy là chứng nhân chứng kiến tuổi thơ khổ cực nhưng cũng đầy vui vẻ của thi sĩ.  - “*Năm tháng sống xa quê tôi như người bước hụt*  + Không gian biến đổi từ quá khứ đến hiện tại, nhà thơ đã cách xa quê. Thiếu đi chỗ dựa tinh thần, ông so sánh mình *như người bước hụt*. Đó là cảm xúc tiếc nuối, day dứt khi chẳng thể níu ký ức trong tay, sông Đáy giờ một nơi, còn ta thì một nơi... Thời gian và không gian bắt đầu lu mờ, không rõ đâu là thực là ảo, đâu là quá khứ hiện tại.  - Câu 5: Ông kể về thế giới trong mơ của mình, đó là *nơi con cá quẫy đuôi biến mất*, nơi có thanh âm của *tiếng khóc nấc*.  -> Ông đã làm tuột câu mất con cá, giống như việc phải rời xa quê hương nơi mình hằng yêu quý. Chú cá ấy không ai khác ngoài thi sĩ, và tiếng khóc ấy chẳng thuộc về ai khác ngoài ông.  + Cụm từ “âm thầm vỡ” lặp lại hai lần trong một câu, như tiếng nước mắt rơi trong tâm hồn ông  -> phảng phất trầm buồn của thi sĩ.  - *Tỏa mát xuống cơn đau tôi là tóc mẹ bến mòn đứng đợi.*  + Người mẹ đợi con trở về đến nỗi bến mòn  + “ tỏa mát xuống cơn đau”: nhà thơ mang trong mình nỗi đau xa quê, nhưng ông vẫn có người mẹ đứng chờ. Ông thấy hạnh phúc khi vẫn luôn có một người hướng về mình.  + Hình ảnh mái tóc mẹ -> biểu tượng mẹ hiền luôn bên ông, dõi theo ông. Mẹ dịu dàng như sông Đáy, mát mẻ và trong lành.  -> Nếu ở khổ một, *mát* là hành động của gió sông, thì ở đây *mát* là hành động của người mẹ. Trong vô thức, thi sĩ đã hòa sông Đáy và mẹ mình thành một... Bởi lẽ, quê hương là mẹ, và mẹ cũng chính là quê hương.  - Niềm hạnh phúc hiện lên phần nào ẩn chứa sự chua chát, đắng cay.  “*Một cây ngô cuối vụ khô gầy*  *Suốt đời buồn trong tiếng lá reo”*  + Bằng biện pháp tu từ ẩn dụ, thi sĩ đã ví mẹ mình giống như cây ngô kia, chờ đợi khắc khoải đến héo úa, khô gầy-> cách hiểu thứ 2: Sự cô độc sẽ khiến ta héo úa, chỉ có những mối liên kết bền chặt như tình mẫu tử mới khiến ta thoát khỏi tình cảnh ấy.  + “Một cây ngô” đối chiếu tương phản với hình ảnh mái tóc người mẹ -> làm nổi bật dụng ý: Cây ngô khô gầy khi đơn côi một mình trên đồi gió, còn ông thì không, vì ông đã có mẹ, đã có sông Đáy ở bên. Sông Đáy như một nguồn sức sống mãnh liệt, truyền năng lượng rực lửa cho những người con xa quê. |
|  | 1. **Câu 10 – 14: SĐ không chỉ là kí ức về những câu chuyện cổ tích xưa, mà còn là ký ức về tình yêu lứa đôi.**   “*Những chiều xa quê tôi mong dòng sông dâng lên ngang trời cho tôi được nhìn thấy*  *Cho đôi mắt nhớ thương của tôi như hai hốc đất ven bờ, nơi những chú bống đến làm tổ được giàn giụa nước mưa sông*.”  + *Sông dâng lên ngang trời* -> không gian phủ đầy hư ảo...  + Tác giả so sánh *đôi mắt nhớ thương của tôi* *như hai hốc đất* -> Sự xa cách đã khiến nỗi nhớ dâng trào đến trời. Ông muốn bộc phát hết nỗi lòng mình, muốn khóc cho thỏa nỗi lòng như những chú bống kia.   * SĐ còn gắn với tình yêu lứa đôi   + Nhà thơ định hình thế giới theo cách nghĩ của mình: *Đôi môi màu dâu chín* -> ước vọng cánh buồm cổ tích nhưng cũng có cả sự cay đắng chia phôi.  => Tình yêu với quê hương không chỉ có hình ảnh của mẹ mà còn có hình ảnh của người con gái đằm thắm dịu dàng -> nhân vật trữ tình bồi hồi, hi vọng rồi lại thất vọng khi không nhìn thấy bóng hình "em" đứng bên sông đợi mình -> Sông Đáy và "em" trở thành chuyện của quá khứ, giờ đây, nó lại sống dậy -> sông Đáy đã chứng kiến một đoạn tình cảm ngắn ngủi của đôi trai gái, họ yêu nhau nhưng không đến được với nhau. |
|  | **3. từ câu 15-20: Ngày trở về gặp lại SĐ**  **- “**sông Đáy ơi” lặp hai lần ->như một tiếng gọi thiết tha báo hiệu sự trở về muộn màng.  - *Mẹ tôi đã già như cát bên bờ*  *Ôi mùi cát khô, mùi tóc mẹ tôi.*  + Nhà thơ quay trở về, nhưng mẹ không còn. Ông cố ôm cát vào lòng, khóc thương và muốn níu lại một chút “hơi thở” của người mẹ. Thi sĩ nhận ra sự thật phũ phàng: Mẹ đã mất, giống như cát trôi tuột qua tay ông chảy xuống dòng dòng, không thể ở lại.  -> “mẹ”: là hình ảnh luôn thường trực trong trái tim của người con, nhớ về quê hương là nhớ đến mẹ với biết bao kỉ niệm. -> tình mẫu tử thiêng liêng sâu nặng  - Từ láy *dòng dòng*: xoáy sâu vào nỗi đau  -> hiểu theo chiều hướng tích cực: cái kết của khổ thơ: như một sự đoàn tụ của con người xa quê, ông quì xuống, ấp cát, đoàn tụ với quê hương sau bao ngày xa cách.  - “Tôi” đã khóc-> giọt nước mắt của sự thương xót cũng là giọt nước mắt của hạnh phúc.  - Từ “chảy” ở đầu bài thơ được lặp lại -> giờ đây sông Đáy không chảy vào ông nữa, mà chính ông chảy vào sông Đáy-> Đó là sự hồi đáp của con người xa quê giờ đã quay trở về báo đáp quê hương, hồi đáp lại tình cảm của mẹ già -> ấm áp của tình người.  **=> sông Đáy hiện lên qua 3 mốc thời gian: còn nhỏ, lúc lớn lên đi xa quê và cuối cùng là ngày trở về, được sắp xếp theo trình tự quá khứ - hiện tại -> thể hiện chiều sâu của nỗi nhớ, có niềm vui, nỗi buồn khi xa quê -> Qua đó, thấy được mối quan hệ mật thiết của sông Đáy với tác giả.** |
| **2. Rút ra Yếu tố tượng trưng trong bài thơ và vai trò đối với việc thể hiện nội dung**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  Kĩ thuật trình bày 01 phút:  **Yêu cầu**: Chỉ ra yếu tố tượng trưng cơ bản nhất trong bài. Hãy đưa ra một vài lời đánh giá về yếu tố đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS nhớ lại kiến thức, phát biểu.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | **4. Yếu tố tượng trưng trong bài thơ và vai trò đối với việc thể hiện nội dung.**  **-** Hình tượng nghệ thuật cả bài thơ là sông Đáy, nó xuyên suốt khắp chiều dài của tác phẩm -> gợi cho ta nhiều ý nghĩa, nó là quê hương, là tình mẫu tử, là tình yêu, và đôi lúc nó lại là một người bạn vô hình ở bên tác giả. Nguyễn Quang Thiều đã tạo nên một thế giới nghệ thuật trong “Sông Đáy”, và trong thế giới nghệ thuật ấy thì nhân vật “tôi” là nhân vật trữ tình. |
| ***3. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **Nhiệm vụ 1. Cả lớp cùng tham gia Trò chơi kì thú với phần *Test nhanh*  trắc nghiệm**  **Câu 1:** Tác giả bài thơ *Sông Đáy* là:   1. Xuân Diệu 2. Nguyễn Bính 3. Trần Đăng Khoa 4. Nguyễn Quang Thiều   **Câu 2:** Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều quê ở đâu?   1. Hà Tây 2. Hà Tĩnh 3. Hà Nam 4. Nam Định   **Câu 3:** Tên dòng sông được nhắc đến trong bài?   1. Sông Hồng 2. Sông Đáy 3. Sông Đà 4. Sông Lô   **Câu 4:** Bài thơ *Sông* Đáy được in trong tập?   1. *Lửa thiêng* 2. *Sự mất ngủ của lửa* 3. *Sự mất ngủ của gió* 4. *Lời thì thầm từ xa xưa*   **Câu 5:** Hình ảnh sông Đáy xuất hiện qua những mốc thời gian nào trong cuộc đời của nhân vật trữ tình?   1. Lúc nhỏ, lớn lên xa quê và trở về 2. Khi sinh ra và khi về già 3. Lúc còn nhỏ và khi lớn lên 4. Các đáp án trên đều sai | **5. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối**  **Gợi ý**    **ĐÁP ÁN**  **C1. D**  **C2. A**  **C3. B**  **C4. B**  **C5. A** |
| **Nhiệm vụ 2. 1,2 bạn vẽ tranh hoặc hát, đọc một bài thơ có cùng chủ đề**  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận, ghi ra giấy những nội dung chính  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  ***-*** Cử 1 bạn đại diện trình bày  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - Gv nhận xét, chốt kiến thức | **- Nhiệm vụ 2. Vẽ tranh hoặc hát, đọc một bài thơ có cùng chủ đề (những bài hát về con sông quê hương)**  **+** *Nhớ con sông quê hương* - Tế Hanh  + *Trở về dòng sông tuổi thơ* - Hoàng Hiệp |

**Bài tập vận dụng- câu 6 trong sgk**

*Từ nội dung bài thơ và những hiểu biết về văn hoá dân tộc, hãy lí giải vì sao tình cảm gắn bó, yêu thương với quê hương của người Việt đặc biệt sâu nặng. Tình cảm này liệu có thay đổi trong đời sống hiện nay?*

**GỢI Ý**

**+** Quê hương từ lâu đã luôn chiếm một phần quan trọng trong cuộc đời của mỗi người Việt Nam. Tình yêu với quê hương không chỉ được vun đắp từ nhỏ, qua những câu ca dao, tục ngữ, qua những câu hát, câu ru mà còn cả qua những bài học. Trong cuộc đời, có thể chúng ta đi đến và sống ở rất nhiều nơi, nhưng quê hương luôn là nơi ta muốn trở về nhất bởi nơi đó không chỉ có gia đình, họ hàng mà còn chất chứa cả những kỉ niệm tuyệt vời nhất.

+ Tình cảm yêu quê hương đất nước là một truyền thống tốt đẹp và đáng quý của dân tộc Việt Nam, nó đã ăn sâu vào máu thịt, đi sâu vào lòng mỗi con người. Do đó, có thể khẳng định rằng dù đời sống hiện nay có nhiều thay đổi thì tình cảm với quê hương, đất nước của con người chắc chắn sẽ không bao giờ thay đổi. Thứ tình cảm đó sẽ luôn được gìn giữ và phát huy đến muôn đời.

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:**

**b. Sản phẩm:**

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung và nghệ thuật.**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Thảo luận theo về giá trị nội dung, nghệ thuật của bài SĐ.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS cùng nhau thảo luận, ghi ra giấy những nội dung chính  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  Cử 1 bạn đại diện trình bày  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  Gv nhận xét, chốt kiến thức | - **Giá trị nội dung:**  + *Sông Đáy* đã khắc họa tâm trạng vui buồn lẫn lộn khi trở về với quê hương, nhớ về hình ảnh con sông Đáy, nhớ về mẹ và “em”.  - **Giá trị nghệ thuật:**  + Thể thơ tự do  + Ngôn ngữ thơ giàu nhạc điệu và tinh tế.  + Ngòi bút uyên bác và tạo được cái riêng. |

**\*Tài liệu tham khảo**

**PHỤ LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm 1. Phiếu học tập số 01:**  **Tìm hiểu về vài nét khái quát về tác giả Nguyễn Quang Thiều và bài thơ *Sông Đáy*** | |
| - Những thông tin về nhà thơ Nguyễn Quang Thiều (năm sinh, quê quán, chức vụ, phong cách thơ | *…………* |
| - Giới thiệu vài nét về bài *Sông Đáy* (đặc điểm địa lí, xuất xứ, nội dung, thể thơ) |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm 2. Phiếu học tập số 02:**  **Tìm hiểu về yếu tố tượng trưng qua hình ảnh sông Đáy gắn với mẹ ở tuổi thơ nhọc nhằn qua 9 câu thơ đầu** | |
| - Hình tượng sông Đáy, hình tượng mẹ tần sô xuất hiện như thế nào? Vai trò, ý nghĩa? | *…………* |
| - Từ ngữ, hình ảnh nào cần chú ý? Biện pháp tu từ, từ láy góp phần diễn tả điều gì về sông Đáy và mẹ? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm 3. Phiếu học tập số 03:**  **Tìm hiểu về yếu tố tượng trưng qua hình ảnh sông Đáy gắn với “em” qua 5 câu thơ tiếp** | |
| - “Em” mang nghĩa tượng trưng gì? | *…………* |
| -? |  |
| * Cảm xúc gì của tác giả khi nghĩ về “em"? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm 4. Phiếu học tập số 04:**  **Cảm xúc của tác giả trong ngày trở về quê hương** | |
| - Hình tượng mẹ xuất hiện trở lại mang ý nghĩa gì? | *…………* |
| * Tác giả đã thay đổi nhận thức như thế nào? |  |

**PHẦN ĐỌC (Thực hành đọc hiểu)**

**Gv: Đinh Thị Dung**

**Trường THPT Đỗ Huy Liêu - Ý Yên - Nam Định**

**Email: dungdt.van@gmail.com**

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Tiết 67. Văn bản: *ĐÂY THÔN VĨ DẠ***

**(Hàn Mặc Tử)**

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

***1. Về kiến thức***

+ Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ; giá trị thẩm mĩ của các yếu tố cấu tứ, ngôn từ, tình cảm, cảm xúc chủ đạo của người viết

+ Phân tích đánh giá được giá trị thẩm mĩ của các yếu tố hình thức (nhân vật trữ tình, hình ảnh, từ ngữ…) và nội dung (cảm hứng chủ đạo, chủ đề…) trong bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ*

+ Liên hệ với bản thân để rút ra được thông điệp có ý nghĩa.

+ Biết cách đọc hiểu các văn bản khác cùng thể loại.

***2. Về năng lực***

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

- Năng lực riêng:

+ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản thơ ca.

+ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết đoạn văn cảm nhận về một câu thơ, đoạn thơ, hình ảnh hoặc mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

***3. Về phẩm chất***

+ Yêu gia đình, quê hương, đất nước, tự hào về vẻ đẹp tâm hồn dân tộc Việt Nam.

+ Tự tin, tự lập, tự chủ

+ Chăm chỉ: tích cực và sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

+ Nhân ái, khoan dung, có tình yêu thương

+ Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

\* Thiết bị: máy tính, máy chiếu, loa

\* Học liệu

GV hướng dẫn HS:

- Đọc phần 1. Chuẩn bị để nắm bắt các định hướng/cách thức đọc hiểu một văn bản thơ mới.

-Tìm hiểu một số thông tin về thơ tự do. Ghi rõ nguồn cung cấp các thông tin ấy.

+ Đọc lần 1 văn bản

+ Đọc lướt văn bản: chú ý nhan đề, chú ý phần chú thích.

- Đọc lần 2 văn bản

+ Đọc kĩ từng phần văn bản:

+ Trước khi đọc từng đoạn, đọc phần hướng dẫn ở hộp bên phải để nắm được chỉ dẫn của sách (hoặc cũng có thể đọc xong từng phần thì đọc phần chỉ dẫn tương ứng và thực hiện theo chỉ dẫn đó).

- Đọc thầm lại hoặc đọc to toàn bộ văn bản ít nhất một lần nữa (không dừng lại ở mỗi phần / đoạn hay chú thích) để cảm nhận chung / tổng thể về văn bản.

- Tìm hiểu thêm các thông tin về tác giả Hàn Mặc Tử, tác phẩm *Đây thôn Vĩ Dạ* từ nguồn khác nhau (sách, báo, Internet,…); lựa chọn và ghi chép lại một số thông tin quan trọng liên quan đến hoàn cảnh sáng tác, vị trí, cảm hứng ....

- Tìm hiểu thông tin về phong trào Thơ mới

-Trả lời các câu hỏi nêu ở sau văn bản đọc hiểu, ghi câu trả lời vào vở soạn bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: Kiến thức, vốn sống của HS có liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Bảng liệt kê tên những tác phẩm văn học, những bài hát về xứ Huế, từ đó tạo tâm thế tìm hiểu bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ.*

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Tuỳ từng bối cảnh dạy học, GV có thể lựa chọn cách sau (hoặc sáng tạo cách khác):  - Cách 1: GV tổ chức thi giữa các tổ/ nhóm.  Nội dung: Trong 2 phút, hãy liệt kê nhiều nhất có thể tên những tác phẩm viết về mảnh đất cố đô Huế (hoặc về Hàn Mặc Tử). Tổ/ nhóm nào liệt kê được nhiều và đúng nhất sẽ chiến thắng.  - Cách 2: Cho HS nghe đoạn nhạc trong bài *Hàn Mặc Tử* do ca sĩ Đàm Vĩnh Hưng trình bàyrồi yêu cầu HS nêu cảm xúc khi nghe bài hát  – Cách 3: Yêu cầu HS thực hiện phiếu học tập (theo kĩ thuật KWL),điền thông tin vào cột (1) và cột (2), thông tin ở cột (3) sẽ điền sau khi đã đọc hiểu văn bản.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP: *Đây thôn Vĩ Dạ* | | | | (1)  Những điều em đã biết | (2)  Những điều em muốn biết | (3)  Những điều em biết thêm | | …………………...  …………………...  …………………...  …………………... | …………………..................  ………………….................... | …………………...................  ……….…………................... |   \* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của GV.  \* **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu HS trình bày, nhận xét sản phẩm của HS.  \* **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, khen thưởng, biểu dương HS rồi nêu nhiệm vụ học tập: tìm hiểu nội dung, ý nghĩa và biết cách đọc văn bản thơ tự do *Đây thôn Vĩ Dạ*. Từ đó, giáo viên giới thiệu tạo tâm thế: *Trong phong trào thơ Mới, Hàn Mặc Tử là một nhà thơ khá đặc biệt. Nhớ đến Hàn Mặc Tử là nhớ đến một cuộc đời ngắn ngủi mà đầy bi kịch, nhớ đến một con người tài hoa mà đau thương tột đỉnh. Nhớ đến Hàn Mặc Tử cũng là nhớ đến những vần thơ như dính hồn và nhớ đến những câu thơ đau buồn mà trong sáng, tuy đầy hư ảo mà đẹp một cách lạ lùng. “Đây thôn Vĩ Dạ” là một bài thơ trong số không nhiều bài thơ như thế của Hàn Mặc Tử.* |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**

a. Mục tiêu: Hs nêu được các thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: Tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩmĐọc văn bản (có thể đọc diễn cảm bài thơ)

c. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Tác giả**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đã giao việc cho 2 nhóm HS tại nhà:  **++ *Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về tác giả Hàn Mặc Tử:“Tạo tài khoản cá nhân cho tác giả”***  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV yêu cầu HS đại diện nhóm lên trình bày ngắn gọn những thông tin về tác giả Hàn Mặc Tử (qua bản sơ yếu lí lịch được thiết kế sáng tạo qua giao diện các mạng xã hội như Facebook, Instargarm...) HS có thể vẽ tay trên khổ A0 hoặc qua các phần mềm.  + GV mời 1,2 HS nhận xét, bổsung.  - **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại vấn đề:  Hàn Mặc Tử là một trong những nhà thơ tiên phong trong phong trào Thơ mới, thế giới văn chương của Hàn Mặc Tử luôn phong phú, đầy màu sắc, mang đậm phong cách cá nhân. Ông đã đưa vào thơ mới sự sáng tạo, hình ảnh ấn tượng. Thế giới nội tâm đa dạng của Hàn Mặc Tử đã mang đến cho nền văn học Việt Nam những tác phẩm “để đời”. Bên cạnh sử dụng bút pháp lãng mạn, ông còn sử dụng bút pháp tượng trưng, bút pháp siêu thực.  Từ những ngày đầu chập chững bước vào con đường sáng tác, thơ của Hàn Mặc Tử đã mang màu sắc táo bạo, phá cách, gây được tiếng vang lớn với giới yêu thơ. Lối thơ nửa kín, nửa mở, trần tục đã khiến cho khán giả phải suy ngẫm rất nhiều. Ông dùng con chữ một cách trừu tượng làm nên đòi bẩy để gợi lên những cảm xúc riêng tư của người đọc.  *“Bóng nguyệt leo song rờ rẫm gối*  *Gió thu lọt cửa cọ mài chăn”...*  *(****Bài Thức khuya****)*    *“Trăng nằm sõng soài trên cành liễu*  *Đợi gió đông về để lả lơi*  *Hoa lá ngây tình không muốn động*  *Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi”*  *(****Bài Bẽn lẽn****)*  Những năm cuối đời, Hàn Mặc Tử sống trong sự lạnh lẽo, cô đơn cùng sự đau đớn của bệnh “phong cùi”. Đôi bàn tay co quắt, khô cằn cũng không cản bước ông sáng tác thơ ca, cống hiến cho nền văn học hiện đại Việt Nam. Có lẽ, chính những đau khổ của cuộc đời, niềm khát khao cuộc sống mà những sáng tác của ông trong giai đoạn này càng thêm sâu sắc, lạ lẫm, độc đáo nhưng cũng đau đớn và có phần điên loạn.  *Trời hỡi, bao giờ tôi chết đi?*  *Bao giờ tôi hết được yêu vì,*  *Bao giờ mặt nhật tan thành máu*  *Và khối lòng tôi cứng tựa si?”*  *(****Những giọt lệ****)*  **- Bước 1: Giao nhiệm vụ**: **Tìm hiểu về văn bản *Đây thôn Vĩ Dạ***  + Từ những thông tin em tìm hiểu được, hãy trình bày hoàn cảnh sáng tác bài thơ ?  + Nêu xuất xứ, thể loại và bố cục của bài thơ.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** : Hs trả lời câu hỏi theo những yêu cầu đã được chuẩn bị  **- Bước 3: Báo cáo, Thảo luận**: Gv gọi Hs trình bày  **- Bước 4: Kết luận**: Gv củng cố, bổ sung câu trả lời của Hs | **I. Tìm hiểu chung**  1. Tác giả:  - Hàn Mặc Tử (1912-1940), tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí, tên thánh là Phăng-xoa, sinh ở làng Lệ Mĩ, tổng Võ Xá, huyện Phong Lộc, tỉnh Đồng Hới (nay là Quảng Bình), trong một gia đình viên chức nghèo theo đạo Thiên Chúa. Sau một thời gian làm ở sở Đạc điền Quy Nhơn, năm 1934 ông vào Sài Gòn làm báo. Đến năm 1936, ông biết mình bị bệnh, ông về lại Quy Nhơn chữa bệnh và mất tại trại phong Quy Hoà (11-11-1940).  - Tài năng thơ ca của Hàn Mặc Tử phát lộ từ rất sớm (14 tuổi)Là nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt trong phong trào Thơ mới *“ Ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam”*(Chế Lan Viên)  - Sự nghiệp sáng tác: *Gái quê (1936), Thơ điên (1938), Xuân như ý, Thượng thanh khí, Duyên kì ngộ, Chơi giữa mùa trăng*  **2) Tác phẩm**  **-**Trích từ tập “Thơ điên”.https://lh6.googleusercontent.com/mmVugH0SvBiTZcJdOprHKHbsavKHXIlMJyEFF-7OkJWmVLyvnj_KHMLlW2cBy39VqQWmpvBFDqrcREbpqXkTyNv44086FvkFCE9dFLuc2x6LnFLHrUes8WSFmr_BRyUKzvvuOL8=s800  - Hoàn cảnh sáng tác: trong tập “Thơ điên” sáng tác năm 1938 được khơi nguồn từ mối tình đơn phương của  Hàn Mặc Tử với Hoàng Thị Kim Cúc.  - Bố Cục:  + Khổ 1: cảnh Thôn Vĩ buổi sáng sớm và niềm hy vọng tình yêu, hạnh phúc.  + Khổ 2: Cảnh xứ Huế lúc đêm tối và nỗi buồn chia xa.  + Khổ 3: Hình ảnh người xứ Huế, cảnh mộng và nỗi hoài nghi tuyệt vọng. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  a. Mục tiêu: Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản Thơ mới. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: hình ảnh, vần, đối, hình ảnh biểu tượng, chủ thể trữ tình....  b. Nội dung: Đọc văn bản; vận dụng các tri thức công cụ đã được cung cấp trong phần *Kiến thức ngữ văn* và *Chuẩn bị* vào đọc hiểu hình thức và nội dung của văn bản; trả lời các câu hỏi đọc hiểu sau văn bản.  c. Sản phẩm: Bài trình bày bằng miệng hoặc Phiếu học tập đã hoàn thành. | |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS đọc hiểu chi tiết văn bản:**  \* **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 3 nhóm thực hiện nhiệm vụ  HS theo nhóm thực hiện:  + Nhóm 1: Tìm hiểu khổ 1  + Nhóm 2: Tìm hiểu khổ 2  + Nhóm 3: Tìm hiểu khổ 3  **Lưu ý chung**: Khi các nhóm tìm hiểu từng khổ thơ cần tập trung trả lời các câu hỏi sau:  + Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ?  + Tâm trạng, cảm xúc của con người hiện lên qua các từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ ra sao?  \***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành phiếu học tập để thực hiện nội dung làm việc nhóm.  (Hoàn thành Phiếu học tập)  \* **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện Hs của từng nhóm báo cáo  Các thành viên còn lại của các nhóm bổ sung, thảo luận  \* **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV định hướng, gọi HS bổ sung, nhận xét, chốt vấn đề. | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Đọc hiểu chi tiết**  1) **Khổ 1: Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết** ( 15 phút)  **- “*Sao anh....”*: Câu hỏi tu từ nhiều sắc thái : lời  trách nhẹ nhàng hay cũng là lời  mời gọi tha thiết.**  - Cảnh thôn Vĩ: vẻ đẹp trữ tình, thơ mộng:  + vẻ đẹp của nắng hàng cau - nắng mới lên gợi đúng đặc điểm của cái nắng miền Trung: nắng nhiều và chói chang , rực rỡ lúc hừng đông.   + Vẻ đẹp mượt mà, tươi tốt ,dầy sức sống *Vườn ai mướt qua, xanh như ngọc*.  - *Lá trúc* .... *mặt chữ điền:* bóng dáng con người xuất hiện tạo nên sự hấp dẫn cho lời mời gọi  ***→*** *Vẻ đẹp hữu tình của thiên nhiên thôn Vĩ, cảnh xinh xắn, con người phúc hậu ,thiên nhiên và con người hài hòa với nhau trong vẻ đẹp kín đáo dịu dàng. Đằng sau bức tranh phong cảnh là tình yêu thiên nhiên, con người tha thiếtvà niểm băn khoăn day dứt của tác giả*  **2. Khổ 2: Cảnh hoàng hôn thôn Vĩ và niềm đau cô lẻ , chia lìa**  - Cảnh thôn Vĩ thật êm đềm thơ mộng, nhịp điệu khoan thai, êm đềm: Gió mây nhè nhẹ bay đi, dòng chảy lững lờ, cây cỏ khẽ đung đưa.  - Hình ảnh: Gió lối gió, mây đường mây biểu hiện của sự chia cách.  - Nhân hóa: Dòng nước làm nổi lên bức tranh thiên nhiên chia lìa buồn bã. Thể hiện sự chuyển biến về trạng thái cảm xúc của chủ thể trữ tình cảnh đẹp như lạnh lẽo, dường như phảng phất tâm trạng thờ ơ xa cách cuộc đời đối với mình  - Bến sông trăng: hình ảnh lạ, gợi lên vẻ đẹp lãng mạn,nhẹ nhàng,tất cả đang đắm chìm trong bồng bềnh mơ mộng,như thực như ảo  - Câu hỏi: *Có chở......*sáng lên hi vọng gặp gỡ nhưng lại thành ra mông lung, xa vời  ***→****Cảm xúc chuyển biến đột ngột từ niềm vui của hi vọng gặp gỡ sang trạng thái lo âu đau buồn thất vọng khi tác giả nhớ và mặc cảm về số phận bất hạnh của mình. Ở đó ta còn thấy được sự khao khát tha thiết đợi chờ một cách vô vọng*  ***3. Khổ 3: Nỗi niềm thôn Vĩ***  - *Mơ khách* *đường xa khách đường xa*: Khoảng cách về thời gian, không gian.  - *Áo em* *trắng quá nhìn không ra*:hư ảo,mơ hồ, hình ảnh người xưa xiết bao thân yêu nhưng xa vời,không thể tới được nên t/g rơi vào trạng thái hụt hẫng,bàng hoàng, xót xa.  - *Ai biết* *tình ai có đậm đà*: biểu lộ nỗi cô đơn trống vắng trong tâm hồn của t/g đang ở thời kì đau thương nhất.Lời thơ bâng khuâng hư thực gợi nỗi buồn xót xa trách móc  ***→****Khi hoài niệm về quá khứ xa xôi hay ước vọng về những điều không thể nhà thơ càng thêm đau đớn. Điều đó chứng tỏ tình yêu tha thiết cuộc sống của một con người luôn có khát vọng yêu thương và gắn bó với cuộc đời.* |
| -**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* **Nhiệm vụ 1:** GV yêu cầu các cặp/nhóm trả lời nhanh phần trắc nghiệm, nhận xét sản phẩm của mỗi cặp/nhóm và chốt lại những thông tin cơ bản.  Khoanh vào câu trả lời đúng  **Câu 1:** Câu thơ nào trong bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử gợi vẻ đẹp nên thơ, hài hòa giữa thiên nhiên và con người thôn Vĩ?  A. "Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên".  B. "Lá trúc che ngang mặt chữ điền"  C. "Sao anh không về chơi thôn Vĩ?"  D. "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc"  **Câu 2:** Hình thức câu trùng điệp ở khổ thơ cuối  “Mơ khách đường xa, khách đường xa” không nhằm dụng ý nào trong các dụng ý sau?  A. Làm cho khoảng cách không gian thêm cách xa vời vợi ngàn trùng  B. Thể hiện một niềm sợ hãi không gian  C. Thể hiện một niềm khao khát hội ngộ cháy bỏng  D.  Làm cho hình ảnh “khách đường xa” càng có sức vẫy gọi  **Câu 3:** “Lòng khát khao sống và nỗi lo sợ chia xa” là một trong những nội dung của khổ thơ thứ mấy?  A. Khổ 1  B. Khổ 2  C. Khổ 3  **Câu 4:**Ngôn ngữ trong bài thơ có nét đặc sắc là gì?  A. Tinh tế, giàu tính liên tưởng.  B. Sáng tạo, giàu hình tượng.  C. Bình dị, gần gũi với đời thường.  D. Giản dị, sống động, hóm hỉnh.  - **Nhiệm vụ 2:** GV có thể yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi vận dụng: Từ nội dung của bài thơ, em hãy rút ra một bài học có ý nghĩa?  - **Nhiệm vụ 3:** Trả lời câu hỏi 3/SGK: Qua 3 câu hỏi trong khổ thơ, hãy nêu nhận xét của em về cách cấu tứ bài thơ?  - **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc và làm việc cá nhân  - **Bước 3:** GV yêu cầu cá nhân trình bày sản phẩm, nhận xét sản phẩm.  - **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **2. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối** |
| **\* Trắc nghiệm**  **Câu 1.** B  Câu 2: B  Câu 3: B  Câu 4: A  \* Bài học được rút ra  Đó là con người dẫu chịu nhiều đau thương trong cuộc sống mà vẫn khát khao yêu thương, khát khao yêu cuộc đời. Từ đó, thí sinh bàn luận ý nghĩa của niềm khát khao đó, phê phán một bộ phận giới trẻ có tư tưởng bi quan, chán nản, mất phương hướng. Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.  - Cấu tứ của bài thơ qua 3 câu hỏi trong bài:  + Sự vận động của tứ thơ được thể hiện qua 3 câu hỏi ở cả 3 khổ thơ  + Câu hỏi về *vườn ai, thuyền ai* là sự khắc khoải về không gian xa cách  +Câu hỏi *tình ai* là sự khắc khoải về tình người. Đây là nỗi khắc khoải lớn nhất của chủ thể trữ tình. Khoảng cách về không gian có thể được khắc phục, nhưng nếu *tình ai* không đậm đà thì mãi mãi là xa cách, đổ vỡ.  + Ba câu hỏi vừa có sự lặp lại (sự khắc khoải) vừa có sự tăng cấp. Đó là cấu tứ độc đáo của bài thơ. |
| **HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**  **a. Mục tiêu:** Khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm  **b. Sản phẩm:** Trình bày miệng  **c. Tổ chức thực hiện:** | |
| - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, yêu cầu HS rút ra những đánh giá khái quát về nội dung và hình thức của văn bản.  Hoặc GV yêu cầu HS điền thông tin vào cột phiếu KWL phần khởi động.  - HS làm việc nhóm, làm trên giấy A0/bảng/máy tính.  - GV yêu cầu các nhóm trình bày sản phẩm, nhận xét sản phẩm của mỗi nhóm và chốt lại những thông tin cơ bản | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Trí tưởng tượng phong phú.  - Nghệ thuật so sánh nhân hóa; thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ,..  - Hình ảnh sáng tạo, có sự hòa quyện giũa thực và ảo.  **2*. Ý nghĩa văn bản:***          Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uổn khúc của nhà thơ. |

**\* SAU GIỜ HỌC**

GV hướng dẫn HS:

- Tìm thêm các tác phẩm của Hàn Mặc Tử hay các tác phẩm viết về mảnh đất xứ Huế

- Làm việc cá nhân: Trả lời câu hỏi số 6 trong SGK.

Yêu cầu:

+ Hình thức: đúng hình thức đoạn văn (8-10 dòng)

+ Nội dung: Cảm xúc của mỗi Hs trước hình ảnh con người bên lề của cuộc sống trong bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ*.

Gợi ý

- Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ: tâm trạng của một con người ở bên lề cuộc sống, cảm giác bị cuộc đời xa rời, cố vươn tới cuộc đời bằng tình khát sống cuồng nhiệt, nhưng bị bi kịch cuộc đời kìm hãm

- Cảm xúc của bản thân:

+ Đồng cảm, sẻ chia, cảm thông với những số phận bất hạnh

+ Sống hết mình, yêu thương cuộc đời để không phải hối tiếc

+ Lan toả tình yêu cuộc sống....

+ Hiểu được sự vô thường trong cuộc sống để biết trân quý những gì mình đang có....

\* **Tài liệu tham khảo:**

1. Sách giáo viên Ngữ văn 11, tập 2, bộ Cánh Diều, Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (đồng tổng Chủ biên), NXB Đại học Huế, 2023

2. https://theki.vn/phong-cach-nghe-thuat-tho-han-mac-tu/

**PHỤ LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | |
| *Sao anh không về chơi thôn Vĩ?*  *Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*  *Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*  *Lá trúc che ngang mặt chữ điền* | Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ? Câu hỏi mở đầu bài thơ có gì đặc biệt?  ……………………………...  ……………………………...  ……………………………...  ……………………………...  ……………………………...  ……………………………... | Tâm trạng, cảm xúc của con người hiện lên qua các từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ ra sao?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| **Hình dung và miêu tả bức tranh thiên nhiên, con người xứ Huế vào buổi sáng ban mai** | ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | |
| *Gió theo lối gió, mây đường mây*  *Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay*  *Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*  *Có chở trăng về kịp tối nay?* | Bức tranh thiên nhiên ở khổ 2 có gì khác khổ 1?  ……………………………...  ……………………………...  ……………………………...  ……………………………...  ……………………………...  ……………………………... | Sự khác biệt ấy thể hiện tâm trạng gì của nhân vật trữ tình?  …………………………….................................................................................................................................................................................................... |
| **Hình dung và miêu tả bức tranh thiên nhiên, con người xứ Huế trong khổ 2?** | …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3** | | |
| *Mơ khách đường xa, khách đường xa*  *Áo em trắng quá nhìn không ra*  *Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*  *Ai biết tình ai có đậm đà?* | Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ?  ……………………………...  ……………………………...  ……………………………...  ……………………………...  ……………………………...  ……………………………... | Tâm trạng, cảm xúc của con người hiện lên qua các từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ ra sao?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| **Hình dung và miêu tả bức tranh thiên nhiên, con người xứ Huế trong khổ thơ?** | …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | |

**PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 68: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

***ÔN TẬP CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ TIẾNG VIỆT***

**I. Mục tiêu bài dạy:** Sau bài học, HS sẽ:

**1. Kiến thức**

- Nhận diện được các biện pháp tu từ xuất hiện trong văn bản qua các ngữ cảnh cụ thể.

- Phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ trong văn bản/ ngôn bản.

**2. Năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

- Năng lực riêng biệt: Biết cách vận dụng các biện pháp tu từ để rèn luyện kĩ năng đọc- hiểu VB nói chung, VB thơ nói riêng, đồng thời rèn luyện kĩ năng tạo lập VB.

**3. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu văn học; nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học:** SGK, SGV, máy tính, máy chiếu….

**2. Học liệu:** phiếu bài tập, thẻ trò chơi, bút dạ, bộ câu hỏi trắc nghiệm, bút màu.

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS tiếp cận bài học và tái hiện lại về các BPTT đã học.

**b. Nội dung:** HS chơi trò chơi “ghép đôi” để ôn tập lại các biện pháp tu từ đã biết.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời ghép đôi của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **GV chuẩn bị 10 tấm thẻ**: 05 tấm ghi tên biện pháp tu từ; 05 phiếu ngữ liệu có sử dụng biện pháp tu từ tương ứng.  **GV chọn 10 HS chơi trò ghép đôi**, GV làm quản trò, phát cho mỗi HS 1 tấm thẻ và yêu cầu xếp thành vòng tròn vừa di chuyển xung quanh quản trò vừa hát.  **Khi nào quản trò hô “ghép đôi, ghép đôi”** thì các bạn phải tìm một bạn ghép đôi với mình sao cho thẻ biện pháp tu từ phải đúng với thẻ ngữ liệu SD biện pháp tu từ đó.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  Các HS nhận thẻ, hát và di chuyển, chọn bạn ghép đôi.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  HS lí giải việc chọn bạn ghép đôi và xác định đúng BPTT.  **\* Dự kiến SP:**  1. Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng,  Thấy một *mặt trời* trong lăng rất đỏ.  **(Ẩn dụ)**   1. *Tôi muốn* tắt nắng đi,   *Cho* màu đừng nhạt mất.  *Tôi muốn* buộc gió lại,  *Cho* hương đừng bay đi.  **(Lặp cấu trúc)**  3. Áo bào thay chiếu *anh về đất*  Sông Mã gầm lên khúc độc hành.  **( Nói giảm nói tránh)**  4. Trên trời mây trắng như bông,  Ở giữa cánh đồng bông trắng như mây  **(So sánh)**  **5.** *Tre, nứa, trúc, mai, vầu* mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng chung một mầm non măng mọc thẳng.  **(Liệt kê)**  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV nhận xét, chốt kiến thức qua phần khởi động, giới thiệu một số tri thức liên quan đến các BPTT để vận dụng giải bài tập. | **1. Một số tri thức liên quan**  **- Các biện pháp tu từ đã học:**  + Nhóm BPTT dựa trên quan hệ liên tưởng: So sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa.  + Nhóm các BPTT dựa trên quan hệ kết hợp: điệp ngữ, đảo ngữ, liệt kê, chêm xen, nói quá, nói giảm nói tránh.  - **Các BPTT được học trong chương trình ngữ văn 11 tập 1**: lặp cấu trúc, đối.  - **Cách làm các câu hỏi liên quan xác định và phân tích tác dụng của BPTT:**  **+** HS nêu tên biện pháp tu từ.  + HS chỉ rõ biểu hiện/dấu hiệu của BPTT  + HS phân tích hiệu quả của BPTT:   * Làm tăng sức thuyết phục/ giàu tính gợi hình, gợi cảm/ giàu nhịp điệu… * Nhấn mạnh vào nội dung đoạn trích…. * Qua đó, thể hiện thái độ, tình cảm/ dụng ý của tác giả… |

**10 tấm thẻ trò chơi lần lượt như sau:**

1. **SO SÁNH**
2. **NÓI GIẢM NÓI TRÁNH**
3. **LẶP CẤU TRÚC**
4. **LIỆT KÊ**
5. **ẨN DỤ**
6. Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng,

Thấy một *mặt trời* trong lăng rất đỏ.

1. *Tôi muốn* tắt nắng đi,

*Cho* màu đừng nhạt mất.

*Tôi muốn* buộc gió lại,

*Cho* hương đừng bay đi.

1. Áo bào thay chiếu *anh về đất*

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

1. Trên trời mây trắng như bông,

Ở giữa cánh đồng bông trắng như mây

1. *Tre, nứa, trúc, mai, vầu* mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng chung một mầm non măng mọc thẳng.

**HOẠT ĐỘNG 2. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện được các biện pháp tu từ xuất hiện trong văn bản qua các ngữ cảnh cụ thể.

- Phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ trong văn bản/ ngôn bản.

**b. Nội dung:** HS làm việc nhóm, làm việc cá nhân thực hiện các yêu cầu bài tập trong SGK.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS/nhóm HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **Nhiệm vụ 1:** HS làm việc cá nhân làm bài 1, 2 SGK trang 43, 44 (Phiếu học tập số 1)  **Nhiệm vụ 2:** GV chia HS thành cách nhóm thực hiện yêu cầu bài 3, 4 trong SGK (VD: nhóm 1,2,3- Bài 3; nhóm 4,5,6- bài 4)  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***- Nhiệm vụ 1:*** HS suy nghĩ, làm bài tập ra PHT (số 01)  ***- Nhiệm vụ 2:*** HS thảo luận nhóm ghi kết quả thảo luận ra giấy A0.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  **- Nhiệm vụ 1:** GV gọi đại diện 2-3 HS trình bày, HS khácnhận xét bổ sung.  **- Nhiệm vụ 2:** GV gọi đại diện mỗi nhóm lên trình bày 1 bài, các nhóm khác lắng nghe, góp ý.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV cho HS tự đánh giá ý thức làm việc nhóm, sau đó tổng hợp và nhận xét, chốt kiến thức. | **Bài 1:**  Các biện pháp tu từ được sử dụng trong các từ ngữ được in đậm ở đoạn thơ trên là:  - Biện pháp nhân hóa: *nàng trăng tự ngẩn ngơ.*  - Biện pháp đảo ngữ: *Đã vắng người sang những chuyến đò* (Những chuyến đò đã vắng người sang)  => Tác dụng:  - Làm cho các hình ảnh thơ sinh động, hấp dẫn, gây ấn tượng với người đọc.  - Nhấn mạnh vào những hình ảnh đặc trưng nhất của mùa thu: là ánh trăng, là thời tiết se se lạnh; tạo nên một bức tranh mùa thu  - Qua đó, thể hiện tình cảm của nhà thơ  **Bài 2:**  Các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ trên là:  + Lặp cấu trúc: Sông Đáy ơi, sông Đáy ơi.  + So sánh:  Sông Đáy chảy vào đời tôi/Như mẹ tôi gánh nặng rẽ vào ngõ sau mỗi buổi chiều đi làm về vất vả; Năm tháng sống xa quê tôi như người bước hụt; Mẹ tôi đã già như cát bên bờ.  => Tác dụng:  - Với các BPTT trên, bài thơ có yếu tố sẽ trở nên dễ hiểu, dễ hình dung, bởi các hình ảnh tượng trưng nhờ biện pháp so sánh được liên tưởng đến các hình ảnh gần gũi, bình dị và quen thuộc.  - Qua đó, người đọc có thể thấu hiểu được sự gắn bó của nhà thơ với con sông Đáy quê hương và tình cảm sâu nặng dành cho mẹ và quê hương khi xa quê.  **Bài 3:**  Các câu hỏi tu từ trong bài “ Đây thôn Vĩ Dạ” là: *Sao anh không về chơi thôn Vĩ? , Có chở trăng về kịp tối nay?, Ai biết tình ai có đậm đà?*  Tác dụng:  - Chủ yếu là để biểu đạt tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình và sự khẳng định về những gì đang hỏi: đó là cảm xúc nhớ nhung, lưu luyến và sự trăn trở về cảnh vật nên thơ và con người thân thiện nơi thôn Vĩ Dạ xứ Huế.  - Đồng thời các câu hỏi tu từ xuất hiện ở 3 khổ thơ cũng làm cho bài thơ giàu nhịn điệu, đậm chất trữ tình.  **Bài 4:**  - Biện pháp so sánh và lặp cấu trúc trong bài “Tình ca ban mai” là:  +So sánh: em đi-như chiều đi; em về- tựa mai về; tình em- sao khuya; tình ta- lộc biết.  + Lặp cấu trúc: …đi như … đi; tình… như.  - Tác dụng:  + Nhấn mạnh vào bản nhạc tình ca ban mai như một tuyệt tác, có sự hòa quyện giữa tình và cảnh.  + Làm cho các hình ảnh thơ trở nên sinh động, gần gũi, bài thơ giàu nhịp điệu. |

**Phiếu học tập số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**  **Họ và tên HS:** …………………………… **Lớp:** …….. | |
| **Yêu cầu 1: Bài 1- SGK/ Trang 43** | **Yêu cầu 2: Bài 2- SGK/ Trang 44** |
| Xác định và phân tích tác dụng của các BPTT thể hiện trong những từ ngữ in đậm ở khổ thơ dưới đây:  *Thỉnh thoảng* ***nàng trăng tự ngẩn ngơ*** *Non xa khởi sự nhạt sương mờ  Đã nghe* ***rét mướt luồn trong gió***  *Đã vắng người sang những chuyến đò* | Tìm các BPTT được sử dụng trong những dòng thơ dưới đây. Những BPTT ấy có tác dụng biểu đạt như thế nào trong một bài thơ có yếu tố tượng trưng?  Sông Đáy chảy vào đời tôi  Như mẹ tôi gánh nặng rẽ vào ngõ sau mỗi buổi chiều đi làm về vất vả Tôi dụi mặt vào lưng người đẫm mồ hôi mát một mảnh sông đêm Năm tháng sống xa quê tôi như người bước hụt Cơn mơ vang lên tiếng cá quẫy tuột câu như một tiếng nấc Âm thầm vỡ trong tôi, âm thầm vỡ cuối nguồn...  Sông Đáy ơi, sông Đáy ơi…chiều nay tôi trở lại Mẹ tôi đã già như cát bên bờ. |
| Trả lời*: ………………………..*  ………………………………..  ………………………………...  ………………………………... | Trả lời: ………………………………………………………  ………………………………………………………................  …………………………………………………………………  ………………………………………………………………… |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔNG KẾT KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT**

1. **Mục tiêu:** Hệ thống hóa lại kiến thức về BPTT.
2. **Nội dung: HS vẽ sơ đồ tư duy**

**c. Sản phẩm:** sơ đồ tư suy của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt về một số biện pháp tu từ/ cách làm câu hỏi liên qua đến BPTT đã học.

***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS suy nghĩ, thực hành vẽ.

***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

- GV gọi đại diện 1-2 HS trình bày,HS khác góp ý, bổ sung.

**- Dự kiến sản phẩm:**

**Các biện pháp**

**tu từ**

**So sánh**

**Nhân hóa**

**Ẩn dụ**

**Liệt kê**

**Điệp ngữ/ lặp cấu trúc**

**Đảo ngữ**

**Hoán dụ**

**Chêm xen**

**Nói quá/Nói giảm nói tránh**

**Đối**

***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***

GV nhận xét, chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh khắc sâu kiến thức về biện pháp tu từ,

**b. Sản phẩm:** Hoàn thành bài tập củng cố.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Những lưu ý khi vận dụng kiến thức tiếng Việt**  GV chia sẻ một số lưu ý khi phân tích các BPTT  **2. Củng cố, mở rộng :**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV yêu cầu HS làm bài tập bổ trợ (ngoài SGK):  **Xác định và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ có trong các đoạn thơ sau:**  *A. Đau lòng kẻ ở người đi*  *Lệ rơi thấm đá tơ chia rũ tằm*. (Nguyễn Du)  *B. Rễ siêng không ngại đất nghèo*  *Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù*(Nguyễn Duy)  *C. Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*  *Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*  *Ngàn dâu xanh ngắt một màu*  *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*   (Chinh phụ ngâm khúc*)*  *D. Bàn tay ta làm nên tất cả*  *Có sức người sỏi đá cũng thành cơm*  (Chính Hữu)  **( có thể giao về nhà)**  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS suy nghĩ, làm bài tập vào vở bài tập.  ***\*Bước 3: Báo cáo thảo luận***  GV gọi 2-3 HS trình bày bài tập trước cả lớp.  ***\*Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:***  GV chấm chữa. | **1. Những lưu ý khi vận dụng kiến thức tiếng Việt**  - Để tránh nhầm lẫn cần nắm vững khái niệm, dấu hiệu nhận biết của từng biện pháp.  - Mỗi biện pháp sẽ tạo ra một hiệu quả nghệ thuật riêng không nêu chung chung về hiệu quả của BPNT.  - Tác dụng của BPNT luôn có sự gắn bó với mạch nội dung của ngữ liệu.  - Khi phân tích tác dụng của BPTT trước hết cần chỉ ra tên biện pháp và biểu hiện của biện pháp trong ngữ liệu (dùng chỗ nào).  **2. Củng cố, mở rộng :**  **Gợi ý làm bài tập:** (HS cần làm cụ thể, chỉ rõ tên BP và biểu hiện cảu BP)  A. Nói quá: thể hiện nỗi đau đớn chia li khôn xiết giữa người đi và kẻ ở.  B. Nhân hoá – ẩn dụ: Phẩm chất siêng năng cần cù của tre như con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc.  C. Điệp ngữ: Nhấn mạnh không gian xa cách mênh mông bát ngát giưa người đi và kẻ ở. Từ đó tô đậm nỗi sầu chia li, cô đơn của người chinh phụ.  D. Hoán dụ: bàn tay để chỉ con người. |

**Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn tập lại các kiến thức đã học, làm bài tập củng cố được giao về nhà.

- Đọc trước bài Viết: Viết bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ.

**\*Tài liệu tham khảo**

**PHẦN VIẾT**

**Tiết 69 + 70.VIẾT:**

**VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ**

(2,0 tiết)

Giáo viên: Phạm Thị Thu

Trường: THPT Kim Liên, Hà Nội

Mail: Phamthithu@c3kimlien.edu.vn

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- Nhận diện được kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.

- Nắm được các bước viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.

**2*.* Phẩm chất**

- Biết trân trọng những sáng tác của các tác giả.

- Biết lập luận chặt chẽ và thể hiện những rung cảm cùng tưởng tượng của bản thân khi chiếm lĩnh tác phẩm thơ.

- Bồi đắp tình yêu văn học; nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  Kĩ thuật trình bày 01 phút:  **Yêu cầu**: Nêu tên một tác phẩm thơ mà em yêu thích (trong SGK hoặc ngoài SGK). Hãy đưa ra một vài lời đánh giá về tác phẩm thơ đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS nhớ lại kiến thức, phát biểu.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV đặt ra vấn đề của bài học: *Làm thế nào để thuyết phục người khác chia sẻ với ý kiến của mình về một tác phẩm thơ?* | HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.  - HS đọc các bài thơ đã sưu tầm, lưu tập san.  - HS có thể nêu ý kiến đánh giá của bản thân hoặc của các nhà nghiên cứu khác. |

**HOẠT ĐỘNG 2. TÌM HIỂU ĐỊNH HƯỚNG VIẾT**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ:những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 2: Rút ra kết luận về khái niệm, yêu cầu của kiểu bài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Theo dõi mục Định hướng/SGK, trả lời các câu hỏi sau:**  - *Thế nào là kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ?*  *- Có những thao tác nghị luận chính nào được sử dụng trong kiểu bài?*  *- Để viết bài văn nghị về một tác phẩm thơ, em cần chú ý những gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ cá nhân.  - GV quan sát, khuyến khích.  GV gợi ý HS trả lời theo mẫu câu:  *+ Tôi hiểu phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ là….*  *+ Muốn viết bài văn phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ, tôi cần…*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi một số HS phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **2. Kết luận**  **a. Khái niệm**  - Viết bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ là **nêu lên và làm rõ ý kiến** của người viết về giá trị nội dung, nghệ thuật (cái hay, cái đẹp) của một tác phẩm thơ nào đó.  + Nghị luận về một tác phẩm thơ phải biết phân tích một cách tổng thể những yếu tố hình thức để qua dó nhận biết một cách toàn diện những thông điệp, những tầng nghĩa của tác phẩm.  **+** Khi nghị luận về một tác phẩm thơ nên đặt bài thơ trong sự so sánh với những bài thơ khác để làm rõ hơn nét độ đáo về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm cần nghị luận.  **b. Khi phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ, cần chú ý:**  + Đánh giá các yếu tố **nội dung**: *đề tài, chủ đề, tư tưởng, tình cảm và thái độ,*… của chủ thể trữ tình.  + Đánh giá về các yếu tố hình thức **nghệ thuật**: thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các biện pháp tu từ,…  + Chú ý **mối quan hệ** giữa nội dung và nghệ thuật. Khi phân tích cân làm rõ vai trò của các yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc làm nổi bật nội dung…  **c.** **Phạm vi nghị luận**: phân tích, đánh giá toàn bộ tác phẩm, đoạn trích hoặc tập trung vào một số nội dung, hình thức của tác phẩm thơ.  **d. Cách viết**  Để viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ, các em cần chú ý:  - **Đọc kĩ** tác phẩm thơ, chú ý xác định **nội dung** và các yếu tố **hình thức** nổi bật. Chỉ ra giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm thơ.  - Xác định các **luận điểm** trong bài viết; lựa chọn các **dẫn chứng** từ tác phẩm thơ cho mỗi luận điểm  - **Liên hệ** với các tác giả, tác phẩm có cùng đề tài, chủ đề, **so sánh** để nhận xét điểm gặp gỡ và sáng tạo riêng của tác giả được thể hiện trong tác phẩm thơ.  - Biết cách sử dụng từ ngữ để diễn tả chính xác, truyền cảm những rung động của em về những chi tiết, hình ảnh… đặc sắc trong bài thơ.  - **Suy nghĩ, nhận xét** về những thành công và hạn chế (nếu có) của tác giả, về giá trị và sự tác động của tác phẩm thơ đối với người đọc và chính bản thân em. |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn HS về quy trình viết bài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS đọc kĩ ví dụ trong SGK về các bước trong quy trình viết (SGK/ tr. 46- 47) sau đó, thảo luận trong bàn về tác dụng của từng bước.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS thảo luận trong bàn.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số bàn phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **3. Quy trình viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bước** | **Công việc** | **Tác dụng** | | ***Bước 1: Chuẩn bị viết*** | - Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề.  - Thu thập tư liệu | - Giúp định hình được nội dung giao tiếp, cách giao tiếp.  - Giúp nâng cao chất lượng bài viết. | | ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý*** | - Tìm ý  - Sắp xếp các ý đã tìm thành một dàn ý theo bố cục mạch lạc gồm 3 phần: MB – TB - KB | Giúp định hình ý tưởng trước khi viết, sắp xếp các ý tưởng theo một trình tự lô-gíc, đảm bảo không lạc đề, bỏ sót ý. | | ***Bước 3: Viết bài*** | Dựa vào dàn ý để viết bài. | Giúp triển khai các ý thành bài viết. | | ***Bước 4: Kiểm tra và sửa chữa*** | Đọc lại bài viết và chỉnh sửa (dựa vào bảng hướng dẫn). | Giúp người viết tự điều chỉnh những thiếu sót, giúp cho bài viết hoàn chỉnh hơn. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**:

+ HS xác định được yêu cầu của đề, thu thập tư liệu cho bài viết.

+ Biết tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.

+ Viết được bài viết hoàn chỉnh và tự kiểm tra, chỉnh sửa lại bài viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ:những giá trị về nội dung và đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **DẠNG BÀI: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM THƠ**  **PHT số 01: PHIẾU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VIẾT THEO CÁC BƯỚC**  **Nhóm:……………………………………………………………………….**  Đề bài/ nhiệm vụ nhóm lựa chọn: ………………………………………..  Tiến trình thực hiện:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình các bước** | **Kết quả thảo luận** | **Tự đánh giá (đạt/ chưa đạt)** | | Bước 1: Chuẩn bị |  |  | | Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý |  |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Hướng dẫn HS viết bài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Dựa trên dàn ý đã được lập và chỉnh sửa, từng HS ở mỗi nhóm sẽ tiến hành viết bài văn của mình.  - HS yêu cầu HS viết một số đoạn văn theo thời gian quy định trên lớp; gọi báo cáo sản phẩm trước lớp.  - Về nhà, HS viết bài văn hoàn thiện; tiết học sau sẽ tiến hành cho HS đánh giá chéo.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân tại nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  (HS sẽ báo cáo, thảo luận và cùng đánh giá trong tiết trên lớp). | **\*Hướng dẫn HS viết bài**  HS dựa vào dàn ý để viết bài. Khi viết bài, cần lưu ý:  - Bám sát dàn ý, chú trọng phân tích các yếu tố hình thức và tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung.  - Đưa ra nhận xét, đánh giá riêng của người viết; hành văn có cảm xúc trung thực, không xao chép văn mẫu.  - Chú ý dùng tữ ngữ chính xác, đảm bảo chính tả, ngữ pháp.  - Thân bài nên viết thành nhiều đoạn văn, tương ứng với các ý cần triển khai; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng phù hợp. |
| **\*Hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - 02 HS đổi bài cho nhau, đọc và dùng bút màu khác để góp ý cho bạn dựa trên bảng kiểm sau đó, cùng trao đổi về những góp ý của bạn.  - Mỗi HS rút ra những điểm cần chỉnh sửa trong bài viết của mình sau khi được bạn góp ý.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS trao đổi theo cặp đôi để cùng chỉnh sửa cho nhau.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Một vài HS đọc bài viết trước lớp, nêu rõ những ý kiến góp ý của bạn, những điều bản thân thấy hợp lí và cần chỉnh sửa, những gì học được từ bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  - GV khen ngợi sự hợp tác của các nhóm đôi, chất lượng của các góp ý, tinh thần cầu thị trong việc học hỏi lẫn nhau của HS.  - Chọn ngẫu nhiên một bài viết, GV đọc to và góp ý cho bài viết dựa trên bảng kiểm, chú ý nhấn mạnh yêu cầu là không chỉ nêu nội dung và các biện pháp nghệ thuật mà phải phân tích, nhận xét nét đặc sắc của nội dung tác phẩm, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung.  - Nhắc HS chụp hình bài viết hoặc up file đánh máy bài viết của mình lên trang sản phẩm học tập của lớp (Google classroom, Edmodo, Zalo,...) để tất cả HS cùng đọc và nhận xét.  - GV giúp HS rút ra một số kinh nghiệm khi viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình: Chủ đề, những nét đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của chúng. | **\*Hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa**  Dựa vào bảng kiểm (phía dưới). |

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở bài** | Giới thiệu bài thơ/ đoạn thơ (tên tác phâm, tác giả,...). |  |  |
| Nêu ý kiến nhận xét, đánh giá của bản thân về đoạn thơ/ bài thơ. |  |  |
| **Thân bài** | Giới thiệu ngắn gọn thông tin về bài thơ/ đoạn thơ. |  |  |
| Phân tích được các yếu tố về hình thức nghệ thuật và nội dung của bài thơ/ đoạn thơ để làm rõ ý kiến nhận xét, đánh giá đã nêu. |  |  |
| Có liên hệ, so sánh với tác giả, tác phẩm khác cùng đề tài, chủ đề để nhận xét điểm gặp gỡ, sáng tạo và tác động,... của bài thơ/ đoạn thơ. |  |  |
| Thể hiện được những nhận xét của người viết về khi phân tích. |  |  |
| Có lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm. |  |  |
| Có chia thành nhiều đoạn văn tương ứng với các ý cần triển khai. |  |  |
| **Kết bài** | Khái quát, tổng hợp những đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về nội dung của bài thơ/ đoạn thơ. |  |  |
| Nêu được suy nghĩ, đánh giá khái quát và cảm xúc của bản thân về bài thơ/ đoạn thơ. |  |  |
| **Các lỗi còn mắc** | Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý,... |  |  |
| Lỗi về trình bày, dùng từ, chính tả và diễn đạt. |  |  |
| **Đánh giá chung** | - Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào?  - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hiên viết? | | |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:**

**-** Chỉnh sửa được bài viết của bản thân.

- Sử dụng bảng kiểm để góp ý cho bài viết của bạn.

- Tự lập dàn ý và viết bài cho một đề văn tự chọn.

**b.** **Nội dung**: Chỉnh sửa bài viết của bản thân hay góp ý bài viết cho bạn. Tự thực hành viết bài cho một đề bài khác.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã chỉnh sửa, phần góp ý cho bài viết của bạn; bài viết cá nhân.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

- Dựa vào những góp ý của bạn theo nhóm đôi, hãy tự chỉnh sửa bài viết của bản thân.

- Nhận bài viết của một bạn khác trong lớp, đọc, góp ý dựa trên bảng kiểm.

- Tự thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý rồi viết bài cho một đề bài khác theo nguyện vọng của cá nhân.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc bảng tin HT của lớp.

- Gửi cho bạn những ý kiến góp ý cho bài viết của bạn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**PHẦN NÓI VÀ NGHE**

**Tiết 71. GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM THƠ**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

Giúp học sinh:

- Biết cách trình bày một tác phẩm thơ trước người nghe, đánh giá được giá trị thẩm mĩ của các yếu tố hình thức nghệ thuật (cấu tứ, cách xây dựng hình ảnh thơ, cách sử dụng ngôn từ…) và nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, tư tưởng…) của bài thơ và phong cách độc đáo của tác giả qua bài thơ đó.

- Nắm vững được các bước để giới thiệu một tác phẩm thơ trước người nghe.

**2. Năng lực**

- Giới thiệu được một tác phẩm thơ, nêu được những ý kiến, nhận xét, phát hiện của bản thân về tác phẩm thơ đó

- Diễn đạt trôi chảy, biểu cảm, sinh động, tự tin, biết kết hợp sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ.

- Lắng nghe và đưa ra ý kiến nhận xét, góp ý.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Làm chủ được bản thân và biết cách bày tỏ thái độ, hành động có trách nhiệm trước những vấn đề trong đời sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** bảng phụ.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bài báo cáo nhóm của HS...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (3p)**

*a. Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*b. Nội dung:* HS xem ảnh, trả lời câu hỏi gợi dẫn, định hướng nội dung bài học.

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: Đã bao giờ các em tham gia một cuộc thi tuyên truyền giới thiệu sách, hay review sách, ngâm thơ? Làm thế nào để mọi người ấn tượng và thuyết phục bởi những cảm nhận, đánh giá của em về cuốn sách, hay bài thơ nào đó?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân  - GV theo dõi, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 1 -2 HS trình bày câu trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá  - Vào bài mới | HS đưa ra quan điểm, ý kiến về một bài giới thiệu, nêu đánh giá tác phẩm văn học hay, thuyết phục. |

**HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU ĐỊNH HƯỚNG NÓI VÀ NGHE**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *a. Mục tiêu:* Nhận biết được các yêu cầu của bài nói trình bày ý kiến về về một vấn đề.  *b. Nội dung:* HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  *c. Sản phẩm:* Câu trả lời của HS  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | |
| **I. Định hướng**  **1. Khái niệm**  Giới thiệu, đánh giá một tác phẩm thơ là:  - Trình bày trước người nghe những thông tin cơ bản về bài thơ như: nhan đề, tác giả, nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc,…) và đặc sắc nghệ thuật (thể loại, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ,...  - Nêu nhận xét, ý kiến của người giới thiệu về nội dung, nghệ thuật,... của bài thơ đó.  **2. Cách làm**  - Lựa chọn bài thơ có giá trị độc đáo về nội dung và nghệ thuật tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của tác giả.  - Chuẩn bị các tư liệu, tranh ảnh, thiết bị hỗ trợ (nếu có).  - Xác định thời lượng và người nghe bài giới thiệu để có cách trình bày phù hợp.  - Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói.  - Kết hợp ngôn ngữ nói với các yếu tố phi ngôn ngữ (nét mặt, ánh mắt, giọng điệu,...) phù hợp với nội dung giới thiệu. | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH NÓI – NGHE (35p)**  *a. Mục tiêu:* HS trình bày được ý kiến về một vấn đề với những lý lẽ, bằng chứng thuyết phục; biết lắng nghe, nhận xét, góp ý cho bài trình bày của các bạn.  *b. Nội dung:* HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị & đưa ra được nhận xét, góp ý cho bài trình bày của bạn.  *c. Sản phẩm:*Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | |
| **Hoạt động 3.1: Chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý (10p)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy giới thiệu và nêu ý kiến đánh giá của em về một bài thơ “ ***Mùa xuân chín***” của Hàn Mặc Tử.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi theo cặp và góp ý cho nhau phần chuẩn bị và tìm ý, lập dàn ý bài nói đã làm ở nhà.  - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 1 HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá | **II. Thực hành nói – nghe**  **1. Chuẩn bị**  - Đọc kĩ đề bài và xác định yêu cầu của đề.  -Lựa chọn bài thơ đặc sắc về nội dung và phong cách nghệ thuật mà em muốn giới thiệu với mọi người.  - Văn bản bài thơ được trình bày trên giấy hoặc trên trang trình chiếu của máy tính (slide), hình ảnh, sơ đồ (nếu cần thiết).  - Tập đọc diễn cảm bài thơ.  **2. Tìm ý, lập dàn ý**  **\* Tìm ý**  + Hoàn cảnh ra đời, để tài của bài thơ có gì cần chú ý?  Ví dụ:  *Chưa rõ thời điểm sáng tác Mùa xuân chín, nhưng theo Trần Thanh Mại thì: “Qua cái năm bệnh hoạn đầu, nghĩa là vào cuối năm 1937, Hàn Mặc Tử gom góp xong tập thơ làm trên giường bệnh, theo một thể tài mới mà chàng gọi Thơ Điên”, nghĩa là thi phẩm đã được sáng tác trước thời điểm đó.*  + Bài thơ thể hiện tâm trạng, cảm xúc gì của nhân vật trữ tình?  *Bài thơ thể hiện khung cảnh mùa xuân tươi mới, đẹp đẽ, tràn đầy sức sống nơi nông thôn dân dã của làng quê Việt Nam.Thể hiện niềm yêu đời, yêu người, yêu cuộc sống của thi nhân, gửi gắm niềm yêu thương và hy vọng vào một cuộc sống tốt đẹp, mùa xuân mang vị “chín” của lòng người*  + Bài thơ có những đặc sắc nào về nghệ thuật?  *Ngôn từ giản dị, mộc mạc, dễ hiểu*  *Hình ảnh thơ gần gũi, thân thuộc*  *Giọng thơ tự nhiên, thủ thỉ, tâm tình*  + Bài thơ thể hiện cái nhìn của tác giả về con người và cuộc đời như thế nào?  *Nhà thơ thể hiện nỗi nhớ quê, niềm khát khao giao cảm với cuộc đời*  + Yếu tố (nội dung hay hình thức) nào để lại trong em ấn tượng sâu đậm nhất? Vì sao?  *Nhà thơ vẽ nên bức tranh thiên nhiên mùa xuân rực rỡ, tươi đẹp, tràn đầy sức sống*  **\* Lập dàn ý:**  - Mở đầu: Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, đề tài của bài thơ, lí do mà em lựa chọn để giới thiệu bài thơ.  - Nội dung chính:  + Đọc diễn cảm bài thơ; giới thiệu hoàn cảnh ra đời, nội dung chính (nhân vật trữ tình và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ, ...).  + Chỉ ra đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, hình ảnh, nhịp điệu, từ ngữ, biện pháp tu từ, ...) và tác dụng của chúng.  Ví dụ:  *– Giới thiệu Hàn Mặc Tử là một nhà thơ thuộc phong trào Thơ mới, theo đuổi chủ nghĩa tượng trưng siêu thực*  *– “Mùa xuân chín” lag một sáng tác của Hàn Mạc Từ trích trong tập “Đau thương” (1938)*  *\* Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình*  *– Mạch cảm xúc bài thơ đi từ bức tranh ngoại cảnh đến bức tranh tâm cảnh, từ cảnh xuân đến tình xuân.*  *– Nhan đề “mùa xuân chín”*  *\*Cảnh xuân*  *– Nhà thơ vẽ nên bức tranh thiên nhiên mùa xuân rực rỡ, tươi đẹp, tràn đầy sức sống*  *Dấu hiệu báo xuân sang: nắng ửng, khói mơ, mái nhà tranh, tà áo biếc, giàn thiên lý*  *Những kết hợp từ độc đáo: nắng ửng, khói mơ tan, sóng cỏ, đám xuân xanh*  *Nghệ thuật đảo ngữ “sột soạt gió trêu tà áo biếc”*  *Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “bóng xuân sang”, “tiếng ca vắt vẻo”*  *=> Khung cảnh làng quê thanh bình, yên ả mà đằm thắm yêu thương.*  *\* Tình xuân*  *– Nhà thơ thể hiện nỗi nhớ quê, niềm khát khao giao cảm với cuộc đời*  *Niềm vui của con người khi xuân đến: “Ngày mai trong đám xuân xanh ấy / Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi”*  *Tình yêu đời, khao khát giao hoà với cuộc đời: “Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi / Hổn hển như lời của nước mây”*  *Nỗi nhớ làng quê da diết: “Khách xa gặp lúc mùa xuân chín / Lòng trí bâng khuâng sự nhớ làng”.*  *\* Nét hấp dẫn, độc đáo riêng của bài thơ*  *– So sánh “Mùa xuân chín” với thơ Đường, từ đó làm rõ tính cổ điển và hiện đại trong bài thơ.*  - Kết thúc: Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ | | |
| **Hoạt động 3.2: Thực hành nói – nghe (20p)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV yêu cầu:**  - HS thực hành nói – nghe theo cặp đôi trong 5 phút.  - HS thực hành nói - nghe trước lớp theo dàn ý.  - Trong khi bạn trình bày, các HS khác lắng nghe và ghi lại nhận xét dựa trên tiêu chí đánh giá bài nói.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào dàn ý đã xây dựng để hệ thống lại, thực hành nói - nghe theo cặp và trước lớp.  - GV theo dõi, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV gọi một số HS bất kì trình bày bài nói trước lớp. HS khác nhận xét, bổ sung, đánh giá bài nói của bạn (dựa theo tiêu chí đánh giá)  - GV tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá | | | **3. Thực hành nói - nghe** |
| **Hoạt động 3.3: Trao đổi về hoạt động nói – nghe (5p)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa câu hỏi:  ***- Với người nói:***  ***+ Dựa trên tiêu chí đánh giá bài nói, hãy tự đánh giá bài nói của bản thân.***  ***+ Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?***  ***- Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá  - GV tổng kết giờ học. | | **4. Kiểm tra và chỉnh sửa:**  - *Người nói:* Xem xét lại nội dung và cách thức trình bày (Đã nói hết các nội dung có trong dàn ý đã làm chưa? Còn thiếu nội dung nào? Có mắc lỗi về cách trình bày không?), từ đó bổ sung (nếu cần).  - *Người nghe*:  Tự đánh giá cách nghe của bản thân:  + Kiểm tra lại thông tin thu được từ người nói.  + Tự xác định các lỗi cần khắc phục khi nghe (đã hiểu và nắm được nội dung chính của bài trình bày chưa? Thái độ khi nghe bạn trình bày thế nào?) | |
| **\* HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**  - Ôn lại và nắm chắc kiến thức đã học. Tiếp tục hoàn thiện bài nói sau giờ học.  - Soạn bài:  + Trả lời câu hỏi theo hướng dẫn sgk, theo phiếu học tập ... | | | |

**PHỤ LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nội dung bài nói*** | ***Giọng nói*** *(thân mật, trang nghiêm, tình cảm, ngỡ ngàng …)* | ***Điệu bộ, cử chỉ, tranh ảnh minh họa …*** |
| - Lời mở đầu: (chào hỏi, giới thiệu câu chuyện) ………………………………………………………………  ……………………………… | ……………………………………………………  …………………………  …………………………………………………… | ………………………………………………………………  ………………………………  ……………………………… |
| - Mở bài: | …………………………………………………… | ……………………………………………………………… |
| - Thân bài:  + Đoạn 1:  + Đoạn 2:  ………………………………  ……………………………… | ……………………………………………………  …………………………  …………………………………………………… | ………………………………………………………………  ………………………………  ………………………………  ……………………………… |
| - Kết bài: | - ………………………..  …………………………. | -………………………………  ………………………………. |
| - Lời kết (câu chuyện kết thúc, mong muốn, cảm ơn…): ………………………………………………………………  ……………………………… | ……………………………………………………  …………………………  …………………………………………………… | ………………………………………………………………  ………………………………  ………………………………  …………….. |

3. Nhận xét và đề xuất chỉnh sửa bài viết của mình và của bạn theo các mẫu đánh giá sau:

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

*(Sử dụng để đánh giá bài nói của bạn và của bản thân)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | ***Nội dung*** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| **1** | *Nói đúng nội dung chủ đề* | Không nói nội dung chủ đề | Nói đúng nói nội dung chủ đề | Nói đúng và nội dung phong phú, hấp dẫn |
| **2** | *Nói to, rõ ràng, chuẩn ngữ âm, truyền cảm* | Nói ngọng, nhỏ, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần | Nói chuẩn ngữ âm nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng | Nói chuẩn ngữ âm, to, truyền cảm, trôi chảy |
| **3** | *Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (tư thế, điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt...) phù hợp* | Tư thế, điệu bộ thiếu tự tin, mắt không nhìn vào người nghe, nét mặt không biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp | Điệu bộ tự tin, nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung trình bày | Tư thế, điệu bộ tự tin, tự nhiên, mắt nhìn vào người nghe, biểu cảm sinh động |
| **4** | *Sử dụng câu, từ đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa, liên kết chặt chẽ* | Sử dụng câu từ con sai ngữ pháp, ngữ nghĩa nhiều, thiếu liên kết các phần | Sử dụng câu từ cơ bản đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa, có liên kết các phần | Sử dụng câu từ đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa, liên kết chặt chẽ các phần |
| **5.** | *Có lời mở đầu và kết thúc; nội dung đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.* | Không chào hỏi, thiếu các phần. | Có lời chào hỏi, kết thúc; bài đủ bố cục | Bài đủ bố cục. Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng. |

**\*Tài liệu tham khảo**

**PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**Tiết 72: *Tràng giang***

**(Huy Cận)**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Về kiến thức:** Biết đánh giá được về một tác phẩm thơ với một số phương diện như: giá trị thẩm mĩ của các yếu tố cấu tứ, ngôn từ; vai trò của yếu tố tượng trưng; tình cảm, cảm xúc chủ đạo của người viết.

**2. Về năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**- Năng lực riêng biệt:**

**+** Năng lực tự đánh giá tác phẩm thơ nói chung và các thông tin liên quan đến văn bản “ Tràng giang”

+ Năng lực trình bày suy nghĩ cảm nhận của cá nhân về văn bản “ Tràng giang”

+ Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu trên các phương diện : cấu tứ; yếu tố tượng trưng; tình cảm, cảm xúc chủ đạo của người viết ( Huy Cận) trong  “ Tràng giang”

+ Năng lực phân tích, so sánh các đặc điểm về cấu tứ, yếu tố tượng trưng, tình cảm, cảm xúc của người viết với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Về phẩm chất:** Yêu quý, trân trọng và tự hào trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước. Đồng thời cũng thấu hiểu nỗi niềm của những con người thời đại lúc bấy giờ, từ đó thêm trân trọng cuộc sống âm no, tự do, tươi đẹp hôm nay.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, , Phiếu học tập,...

**2. Học liệu:** SGK Ngữ văn 11, Cánh Diều, tập 2; sách bài tập Ngữ văn 11, tập 2; sách tham khảo “Văn bản Ngữ văn 11”…

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** -Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**-** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề hoặc cho các em xem những tranh ảnh, video có liên quan đến bài học .

**b. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**1.4. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn :Nhìn những hình ảnh này gợi cho em đến những sự việc,thời kì nào trong lịch sử dân tộc của nước ta.*

Em hãy nêu tên một số tác phẩm đã được học có viết về những sự kiện đó ?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu tự đánh giá văn bản liên quan “*Tràng giang”*

c. Tổ chức thực hiện

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TỰ ĐÁNH GIÁ**

a. **Mục tiêu:-** Nắm được những thông tin chung về văn bản.

* HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**b. Sản phẩm:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV và HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| GV yêu cầu HS đọc bài thơ trong SGK, có thể cho biết một số thông tin chung về bài thơ ( Tác giả,hoàn cảnh ra đời )  Trình bày bằng trang PowerPoint  Video ngâm bài thơ : Tràng giang  https://www.youtube.com/watch?v=WulnszIPfMI | **I.Giới thiệu**  **1/Tác giả**  - Huy Cận (1919-2005) quê ở làng Ân Phú, huyện Hương Sơn,tỉnh Hà Tĩnh  - Thuở nhỏ ông học ở quê rồi vào Huế học hết trung học, 1939 ra Hà Nội học ở trường cao đẳng Canh nông  - Từ năm 1942, Huy Cận tích cực hoạt động trong mặt trận Việt Minh sau đó được bầu vào uỷ ban dân tộc giải phóng toàn quốc. Sau cách mạng tháng 8, giữ nhiều trọng trách quan trọng trong chính quyền CM.  🡪 Huy Cận là nhà thơ lớn, một đại biểu xuất sắc của phong trào Thơ Mới với hồn thơ ảo não.  - Tác phẩm tiêu biểu:  \* Trước cm tháng 8: *Lửa thiêng, Kinh cầu tự, Vũ trụ ca*  \* Sau cm tháng 8: *Trời mỗi ngày lại sáng, Đất nở hoa, Chiến trường gần đến chiến trường xa...*  - Thơ HC hàm xúc, giàu chất suy tưởng triết lí  **2. Hoàn cảnh ra đời,chủ đề bài thơ.**  - Xuất xứ: “Lửa thiêng”  - Hoàn cảnh sáng tác:Vào mùa thu năm 1939 khi đứng trước sông Hồng mênh mông sóng nước...  **-** Vẻ đẹp bức tranh thiện nhiên, nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết. |
| ***1. Hoạt động chữa trắc nghiệm***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Đọc bài thơ,vận dụng kĩ năng đọc hiểu  \* Trả lời nhanh phần trắc nghiệm thông qua trò chơi  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***HS tham gia trò chơi để trả lời câu hỏi.***  ***\*Bước 3: Kết luận, nhận định***  \*  ***2. Hoạt động gợi ý tự luận***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***-Phân lớp thành 6 nhóm, lần lượt chuẩn bị trả lời câu hỏi trong 5 phút***  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  -Sau 5 phút, đại diện 6 nhóm lên trình bày sản phẩm  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  -GV: yêu cầu đại diện 6 nhóm lên trình bày sản phẩm  - GV:yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  Cảnh trời đất mênh mông trong buổi chiều tà thường mang đến một ý nghĩa rất đặc biệt. Đó là cảnh hoàng hôn, báo hiệu kết thúc một ngày và thường con người sẽ cảm thấy man mác buồn khi bắt gặp cảnh này.  Một số câu thơ nói về cảnh ấy là:  *– “Chiều tà bỏ lại phía sau* *Còn vương chút nắng nhuộm màu nhớ thương.”*  **(Hoàng hôn, Trần Thị Lý)**  *– “Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,* *Tiếng ốc xa đưa lẫn trống dồn.”*  **(Buổi chiều Lữ Thứ, Bà Huyện Thanh Quan)**  *– “Buổi chiều đi lảng ở chân mây,* *Hoa tím trên sông thoảng điệu gầy.”*  **(Buổi chiều, Xuân Diệu)** | **II. Tự đánh giá**  **1.Phần trắc nghiệm ( 4 câu) :** hình thức trò chơi  1-D ; 2-B; 3-B; 4-D;    **2. Phần tự luận 6 câu (từ câu 5-câu 10)**  Đại diện nhóm lên trình bày  **Nhóm 1**: **Câu 5**: Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ trong bài thơ để lại cho em nhiều rung động nhất.  **Trả lời**  - Một số biện pháp tu từ tiêu biểu: tương phản, hệ thống từ láy, tả cảnh ngụ tình, ẩn dụ,đảo ngữ… (HS chọn lấy 1 biện pháp trình bày)  - Ví dụ: BPTT ẩn dụ, đảo ngữ:  “*Củi một cành khô lạc mấy dòng*”  + Củi: kiếp người nhỏ bé, bơ vơ, mất hết sức sống…  + Củi một cành- một cành củi.   * Tác dụng:   + Câu thơ sinh động giàu hình ảnh, tăng sức gợi hình, gợi cảm, tăng sức biểu cảm trong diễn đạt,..  + Nhấn mạnh vào hình ảnh cành củi khô: củi khác với cành cây không còn nguồn sống, nó lại khô: cạn kiệt sức sống, không còn khả năng hồi sinh. Lại còn lạc mấy dòng, bơ vơ lạc lõng không biết đi đâu về đâu=> Nhỏ bé, bơ vơ, lạc lõng của con người lúc bấy giờ..  + Bộc lộ tâm trạng buồn sầu trước khung cảnh thiên nhiên, trước hoàn cảnh thực tại của đất nước; sự bế tắc của những người trí thức lúc bấy giờ: yêu nước mà bất lực trước hoàn cảnh,…  **Nhóm 2: Câu 6:** Nỗi “buồn điệp điệp” ngấm sâu vào thế giới hình ảnh trong khổ 1. Vì sao?  **Trả lời**  \*Từ chỉ tâm trạng: buồn điệp điệp🡪 từ láy gợi nỗi buồn thương da diết, nối tiếp nhau, triền miên,miên man không dứt trước không gian dòng sông=> là ***từ khoá của khổ thơ.***   \* Hình ảnh :  - Sóng gợn, thuyền xuôi mái, nước song song 🡪 cảnh sông nước im ắng, mênh mông, vô tận,bóng con thuyền xuất hiện càng làm cho nó hoang vắng hơn, rời rạc, buông xuôi,...  - Củi 1 cành khô >< lạc trên mấy dòng nước🡪sự chìm nổi cô đơn, biểu tượng về thân phận con người lênh đênh, lạc loài giữa dòng đời  ***🢡****Với khổ thơ giàu hình ảnh, nhạc điệu và cách gieo vần nhịp nhàng và dùng nhiếu từ láy, khổ thơ đã diễn tả nỗi buồn trầm lắng của tg trước thiên nhiên*  ***=>Đó là nỗi buồn từ lòng người lan toả và thấm sâu vào cảnh vật***.  **Nhóm 3: Câu 7:** Dòng thơ “ *Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều*” có thể có mấy cách hiểu? Cách hiểu của em là gì? Vì sao?  **Trả lời:**   * Có 2 cách hiểu:   + Đâu: phủ định không có âm thanh  + Đâu: nghi vấn: âm thanh mơ hồ không xác định được rõ ràng.   * Em chọn cách 2. Vì:   + Âm thanh: Tiếng chợ chiều không xác định được rõ ràng gợi lên cái mơ hồ, âm thanh yếu ớt gợi thêm không khí tàn tạ, vắng vẻ tuy thoáng chút hơi người. Bộc lộ tâm trạng khao khát giao cảm với con người của thi nhân, khắc hoạ rõ nét hơn sự nhỏ bé, cô đơn lạc lõng của thế hệ trẻ - trí thức chưa tìm ra lối đi lúc bấy giờ.  + Và đó cũng là nghệ thuật lấy động tả tĩnh - một bút pháp nghệ thuật phổ biến của thi pháp văn học trung đại. Từ đó góp phần tạo nên chất cổ điển đậm đặc của bài thơ trên phương diện nghệ thuật.  **\*Em chọn cách 1:** thống nhất với hệ thống hình ảnh của khổ thơ:một thế giới vô cùng tĩnh lặng, ko có bóng dáng con người=> cô đơn tột đỉnh của thi nhân,….  **Nhóm 4: Câu 8:** Trong sự so sánh với các khổ thơ khác, cách chấm câu ở khổ thơ thứ ba có gì đặc biệt? Phân tích ý nghĩa của cách chấm câu này.  **Trả lời:**  ***\* Điểm khác biệt:***  -Ba khổ thơ (1,2,4): mỗi khổ là 1 câu với nhiều vế câu, dấu chấm phẩy (;) ở 2 khổ thơ đầu nằm ở cuối câu thơ thứ 3 của khổ thơ.  - Còn trong khổ thơ thứ 3: Có tới 3 dấu chấm câu- tương ứng với 3 câu riêng biệt; dấu chấm phẩy (;) xuất hiện ngay câu thơ thứ nhất của khổ thơ.  ***\* Ý nghĩa của cách chấm câu***:  - Tạo ra một thế giới rời rạc,phân rã, không liên lạc => bơ vơ, cô đơn của con người..  - Niềm khát khao giao cảm, kiếm tìm sự liên kết để thoát khỏi sự bế tắc  **Nhóm 5: Câu 9:** Sự xuất hiện của tâm trạng “nhớ nhà” trong dòng thơ kết của bài thơ có phù hợp với sự vận động của tứ thơ không?  **Trả lời:**  - Rất phù hợp với cấu tứ của bài thơ: bài thơ có 2 dòng sông (dòng sông của thiên nhiên; dòng sông của tâm trạng) cùng song song chảy.  - Sự vận động của tình cảm, cảm xúc: tức cảnh sinh tình, chiều buồn nhớ nhà:  -Tâm trạng: Không khói....⭢ âm hưởng Đường thi nhưng t/c thể hiện mới. Nỗi buồn trong thơ xưa là do thiên nhiên tạo ra,còn ở HC không cần nhờ đến thiên nhiên, tạo vật mà nó tìm ẩn và bộc phát tự nhiên vì thế mà nó sâu sắc và da diết vô cùng  **Nhóm 6:**  **Câu 10**: Nhà phê bình Đỗ Lai Thuý có nhận xét: Nếu thơ Xuân Diệu là “nỗi ám ảnh thời gian” thì thơ Huy Cận là “sự khắc khoải không gian”. Ý kiến của em về nhận định trên như thế nào?.  **Trả lời:**  \*Đây là một ý kiến hoàn toàn chính xác, thể hiện sự cảm nhận, đánh giá sâu sắc về phong cách nghệ thuật của các nhà Thơ mới, đặc biệt là thơ Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám.  \*Ta có thể thấy rõ điều này khi đến với bài “Tràng giang”  -Bởi vì : Cấu tứ, hệ thống hình ảnh trong bài thơ được thể hiện:  + Bài thơ được cấu tứ theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt với nhịp thơ 4/3. Lời thơ miêu tả từ ngoài vào trong, từ xa đến gần gợi cho người đọc về một không gian rộng lớn của vùng sông nước.  + Tràng giang được cấu tứ trên nền cảm hứng không gian sóng đôi: Có dòng “tràng giang” thuộc về thiên nhiên trong tư cách một không gian hữu hình và dòng “tràng giang” tâm hồn như một không gian vô hình trong tâm tưởng. Đây vốn là cấu tứ quen thuộc của Đường thi.  + Tiếp cận “tràng giang” trong tư cách dòng sông thiên nhiên có thể thấy một điều đặc biệt: khổ thơ nào cũng có thông điệp về nước. Thông điệp trực tiếp là các từ : “nước”, “con nước”, “dòng”… Thông điệp gián tiếp là các từ: “sóng gợn’ “cồn nhỏ”, “bèo dạt”, “bờ xanh” “bãi vàng”…  + Tiếp cận ***Tràng giang*** với tư cách dòng sông cảm xúc trong tâm hồn lại phát hiện thêm một điều thú vị nữa: Cảnh nào cũng gợi buồn. Sóng buồn vô hạn (buồn điệp điệp); gió đầy tử khí: “đìu hiu”; bến sông cô đơn vắng vẻ: “bến cô liêu”; nước với nỗi buồn trải khắp không gian: “sầu trăm ngả”.  \*Liên hệ đến “Đây mùa thu tới” của XD để thấy nỗi ám ảnh về bước đi của thời gian hiện hữu trong từng cảnh vật ( rặng liễu; áo mơ phai; hoa rụng cảnh; sắc đỏ; nhanh khô gầy,…) |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu: -**  Củng cố lại kiến thức đã học. Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**-** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**b. Sản phẩm:** Kết quả, câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV : HS*  viết một đoạn văn (8 – 10 dòng): *Thể hiện cảm nhận về hệ thống từ láy trong bài thơ.*  ***-* Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một phương diện nổi bật của bài thơ Tràng Giang.**  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  ***HS viết trong 15 phút***  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  *- GV gọi một số HS đọc bài trước lớp,* bài đã viết một đoạn văn (8 – 10 dòng): *Thể hiện cảm nhận về hệ thống từ láy trong bài thơ, sau đó chữa bài*.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | -Có thể dựa vào phần câu hỏi tự luận  - Viết một đoạn văn (8 – 10 dòng): *Thể hiện cảm nhận về hệ thống từ láy trong bài thơ*.  - **Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một phương diện nổi bật của bài thơ Tràng Giang.**  Việc đảo tính từ lên đầu câu trong tác phẩm luôn là một yếu tố khiến em cảm thấy tâm đắc và hay nhất. Bởi không đi theo quy luật thông thường, Huy Cận đã cho người đọc thấy được sự độc đáo trong câu từ với những từ láy chỉ tính chất của sự việc được đặt ở đầu câu như “lớp lớp”, “lặng lẽ”, “lơ thơ”… Việc đảo như vậy không chỉ nhấn mạnh sự bao la, rộng lớn của thiên nhiên, vũ trụ, của cảnh đẹp quê hương mà nó còn thể hiện rõ sự cô đơn, nỗi buồn man mác của nhân vật trữ tình trước vũ trụ mênh mông. Đồng thời, việc đảo như vậy cũng tạo ấn tượng mạnh cho người đọc về một cách sử dụng từ mới mẻ độc đáo. Từ đó, không chỉ giúp người đọc hiểu sâu hơn về tác phẩm mà còn hiểu rõ hơn về tâm tư, tình cảm của tác giả gửi gắm qua từng lời thơ đó. |

**HOẠT ĐỘNG 4: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**a. Mục tiêu: -**  Củng cố lại kiến thức đã học. Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, củng cố kiến thức.

**-** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**b. Sản phẩm:** Kết quả, câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | Dựa vào SGK  *-* GV gợi ý HS tìm đọc thêm một số bài thơ về đề tài mùa thu.Và ghi chép, cảm nhận đánh giá của bản thân về một bài thơ hoặc một vài câu thơ đã lựa chọn về đề tài mùa thu.  -Về nhà: Sưu tầm thêm một số bài phê bình về các văn bản thơ đa học trong bài 6; đọc và ghi lại những đoạn văn mà em thây hứng thú. |

**KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp** **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**\*Phiếu học tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| Câu/Nhóm | Kết quả thảo luận |
| 5-1 | -  - |
| 6-2 | -  - |
| 7-3 | -  - |
| 8-4 | -  - |
| 9-5 | -  - |
| 10-6 | -  - |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  *Viết đoạn văn :(phần luyện tập)*  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |
|  |